

LỜI NÓI ĐẦU

Tr- ớc sự đổi mới của cơ chế thị tr- ờng, Việt Nam có những b- ớc tiến mới về mọi mặt đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Kinh tế n- ớc ta đã và đang hoà chung vào sự phát triển của nền kinh tế thế giới và khu vực với những định h- ớng của Đảng, của Nhà n- ớc. Sự hoà nhập kinh tế tạo cơ hội cho các doanh nghiệp phát huy hết khả năng và tiềm lực của mình song lại đặt các doanh nghiệp tr- ớc những thách thức lớn lao, đó là sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ. Để tạo đ- ợc chỗ đứng vững chắc trên thị tr- ờng thì các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu đồng thời nắm chắc đ- ợc thế mạnh cũng nh- điểm yếu của mình đặc biệt phải biết rõ tình hình kinh tế của doanh nghiệp mình để có chiến l- ợc phát triển cụ thể. Và một trong những chỉ tiêu biểu hiện cho kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp đó là lợi nhuận, lợi nhuận là mục tiêu quan trọng, th- ờng xuyên lâu dài đối với các doanh nghiệp. Do vậy khi đề cập đến công tác kế toán trong doanh nghiệp thì có thể thấy kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một công việc quan trọng và khá phức tạp. Nó đòi hỏi ng- ời kế toán phải nắm bắt toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hiệu quả kinh tế nhằm biết đ- ợc chính xác các khoản thu, chi đã phù hợp, hợp lý hay ch- a từ đó tính toán đ- ợc lợi nhuận, hiểu đ- ợc tình hình kinh tế của doanh nghiệp từ đó giúp nhà quản trị có những biện pháp đúng đắn, kịp thời. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng liên quan đến sự sống còn của doanh nghiệp.

Nhận thức đ- ợc tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên trong quá trình thực tập tại Chi nhánh Công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu về doanh thu, chi phí và công việc xác định kết quả kinh doanh. Do đó, em đã chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng” làm đề tài cho khoá luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của khoá luận ngoài lời mở đầu và kết luận đợc kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận đợc sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng và đ-ới sự h-ớng dẫn của thầy giáo, thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ, em đã phân nào nắm đợc tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót.

Em mong nhận đợc sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em đợc hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Trần Thị Thu Thủy
Lớp QTL-201K

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra các quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình nhằm đưa ra các quyết định có nên cho vay hay không đối với mỗi doanh nghiệp đó.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp các nhà hoạch định chính sách của Nhà Nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là việc làm sau cùng hoàn tất quá trình sản xuất, tiêu thụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ. Yêu cầu đặt ra với các nhà quản lý là phải nắm bắt được doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của kỳ này để lên kế hoạch cho kỳ tới. Vì vậy, cần phải theo dõi các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Nó là công cụ để các nhà quản lý nhận xét, phân tích, đánh giá về khả năng kinh doanh của mình, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước. Đồng thời nó cũng giúp các nhà đầu tư nhìn nhận một cách khách quan về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

Do đó, hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng, có tính then chốt mang lại hiệu quả cao cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Việc ghi chép và phản ánh các khoản chi phí, doanh thu là rất quan trọng bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản doanh thu và chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thì sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các nhà quản trị và làm ảnh hưởng đến lợi nhuận và tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy để đáp ứng được yêu cầu của các nhà quản trị, việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo thực hiện đúng các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu, số lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi đơn đốc các khoản phải thu.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Doanh thu và các loại doanh thu.

1.2.1.1. Khái niệm doanh thu.

Doanh thu: Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.2.1.2. Các loại doanh thu.

* **Doanh thu bán hàng:** Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng bao gồm cả các phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

* **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

* **Doanh thu hoạt động tài chính:** Bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các khoản đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

* **Thu nhập khác:** Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.2.2. Chi phí và các loại chi phí.

1.2.2.1. Khái niệm chi phí.

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các

khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.2.2.2. Các loại chi phí.

* **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

* **Chi phí bán hàng:** Là những chi phí chi ra trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

* **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

* **Chi phí hoạt động tài chính:** Là các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

* **Chi phí khác:** Là các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu t-, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu t- nh- : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nh- ợng bán bất động sản đầu t-), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

Bán hàng: là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá mua vào. Để bán sản phẩm, hàng hoá thì các doanh nghiệp thường có các phương thức bán hàng sau:

* Bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho của các doanh nghiệp). Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, trong đó:

- Bán buôn: Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hoá vẫn nằm trong lĩnh vực

lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

- Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

* Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng không tại kho hoặc đơn vị sản xuất mà giao hàng tại bên mua hoặc tại các cửa hàng tiêu thụ.

* Bán hàng qua các đại lý, đơn vị lý gửi: Về bản chất, bán hàng theo phương thức này là bán theo phương thức chuyển hàng. Song trong trường hợp này, bên giao phải trả cho bên đại lý một khoản tiền gọi là tiền hoa hồng đại lý.

- Đối với đơn vị có hàng ký gửi (Chủ hàng): Khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

- Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng. Trong trường hợp đại lý bán đúng giá ký gửi của chủ hàng và hưởng hoa hồng thì không phải tính và nộp thuế GTGT đối với hàng hóa bán đại lý và tiền thu về hoa hồng.

* Bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần

trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào doanh thu TK 511, mà được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp TK 515. Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm trả tiền một lần.

* Bán hàng theo phương thức đổi hàng: Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

* Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ: Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.4. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

a) Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Kế toán hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thỏa mãn 5 điều kiện ghi nhận doanh thu.

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

- TK 511” Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay chưa thu tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia số năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà Nước được Nhà Nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà Nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên TK 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

b) Chứng từ, tài khoản sử dụng.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)

- Phiếu kế toán ...

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 511- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ (không phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ).

*** Kết cấu tài khoản 511.**

Bên Nợ:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT được tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.

+ Kế toán giảm giá hàng bán.

+ Trị giá hàng bán bị trả lại.

+ Khoản chiết khấu thương mại.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ

TK 511 có 5 TK cấp 2:

+ TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

+ TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

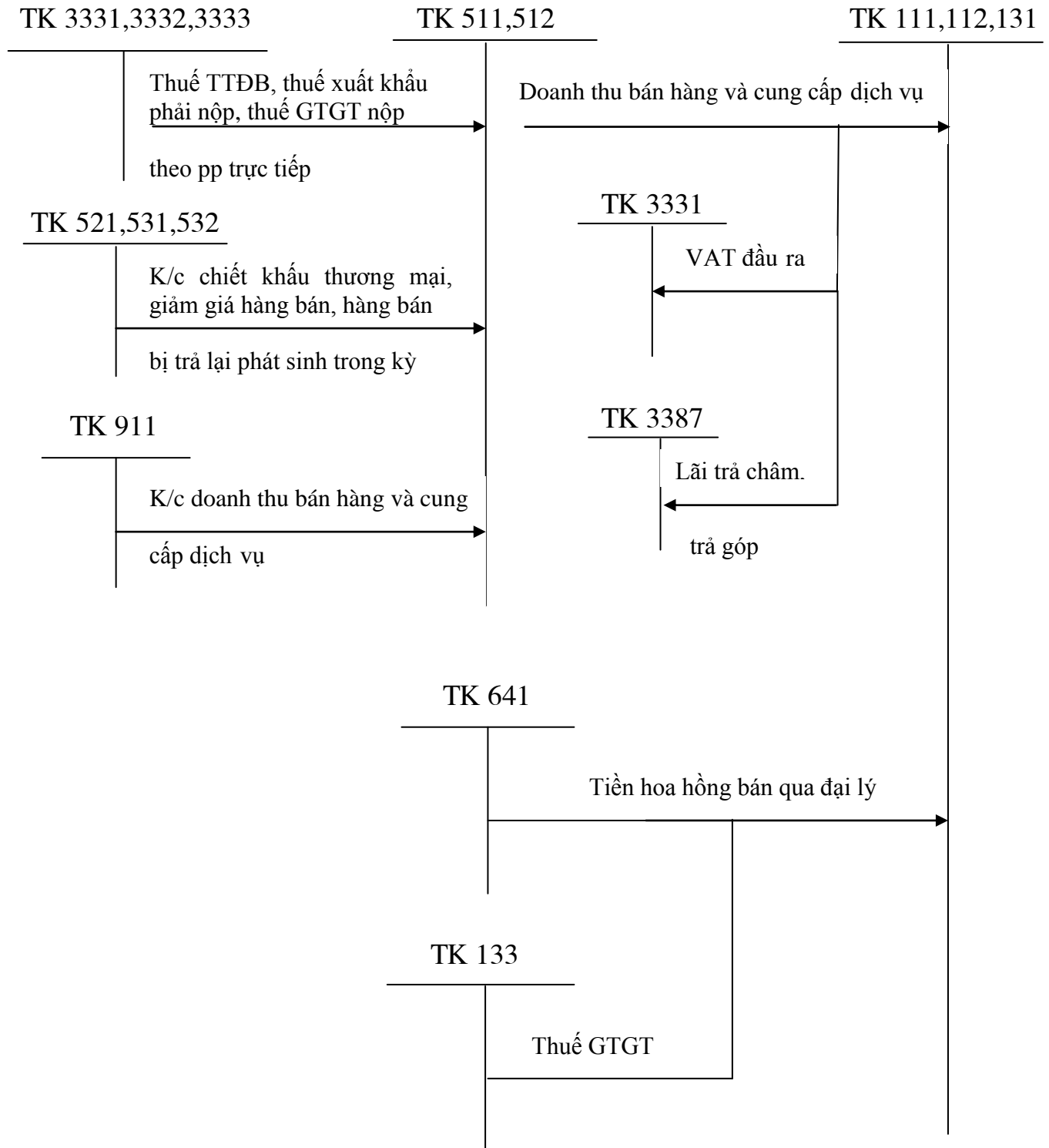
+ TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- TK 512 – **Doanh thu bán hàng nội bộ.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ nội bộ (chỉ sử dụng cho các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong một công ty hoặc tổng công ty).

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

c) Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

***Khái niệm:**

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng.

*** Nguyên tắc hạch toán.**

- Chỉ hạch toán vào khoản chiết khấu thương mại nếu như khoản chiết khấu thương mại được trừ ngoài hóa đơn. Chỉ được hạch toán vào khoản chiết khấu thương mại nếu như doanh nghiệp có những quy định về chiết khấu thương mại.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản hàng bán bị trả lại khi có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

- Chỉ phản ánh vào tài khoản giảm giá hàng bán do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là sau khi đã có hóa đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị ghi trên hóa đơn.

*** Tài khoản sử dụng.**

- TK 521 – Chiết khấu thương mại.
- TK 531 – Hàng bán bị trả lại.
- TK 532 – Giảm giá hàng bán.

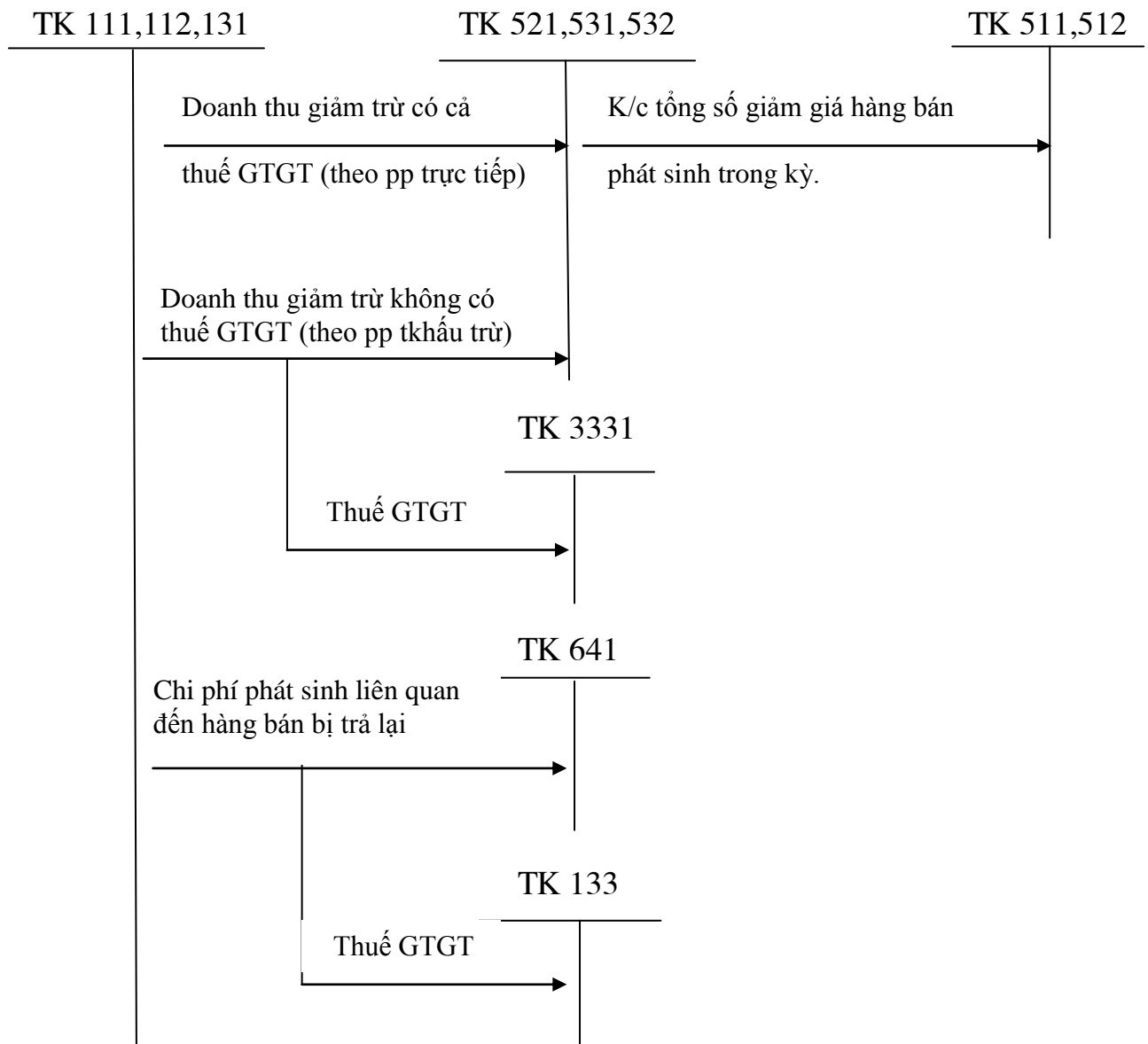
*** Chứng từ sử dụng.**

- Căn cứ vào biên bản giao nhận so sánh với hợp đồng xem họ có vi phạm điều khoản nào không. Đây là căn cứ để yêu cầu người bán giảm giá hàng bán.

- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế.

*** Phương pháp hạch toán**

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**



Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

a) Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Để tính giá thực tế hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân ra quyền:

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân ra quyền ta có thể áp dụng một trong hai cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân ra quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá Xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá Xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Trị giá hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

Như vậy, với phương pháp này, chi phí của lần mua gần nhất sẽ tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Tuy nhiên, trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng hóa xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá thực tế của nó. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

b) Nội dung và kết cấu của TK 632.

TK 632: Giá vốn hàng bán:

Bên Nợ:

+ Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

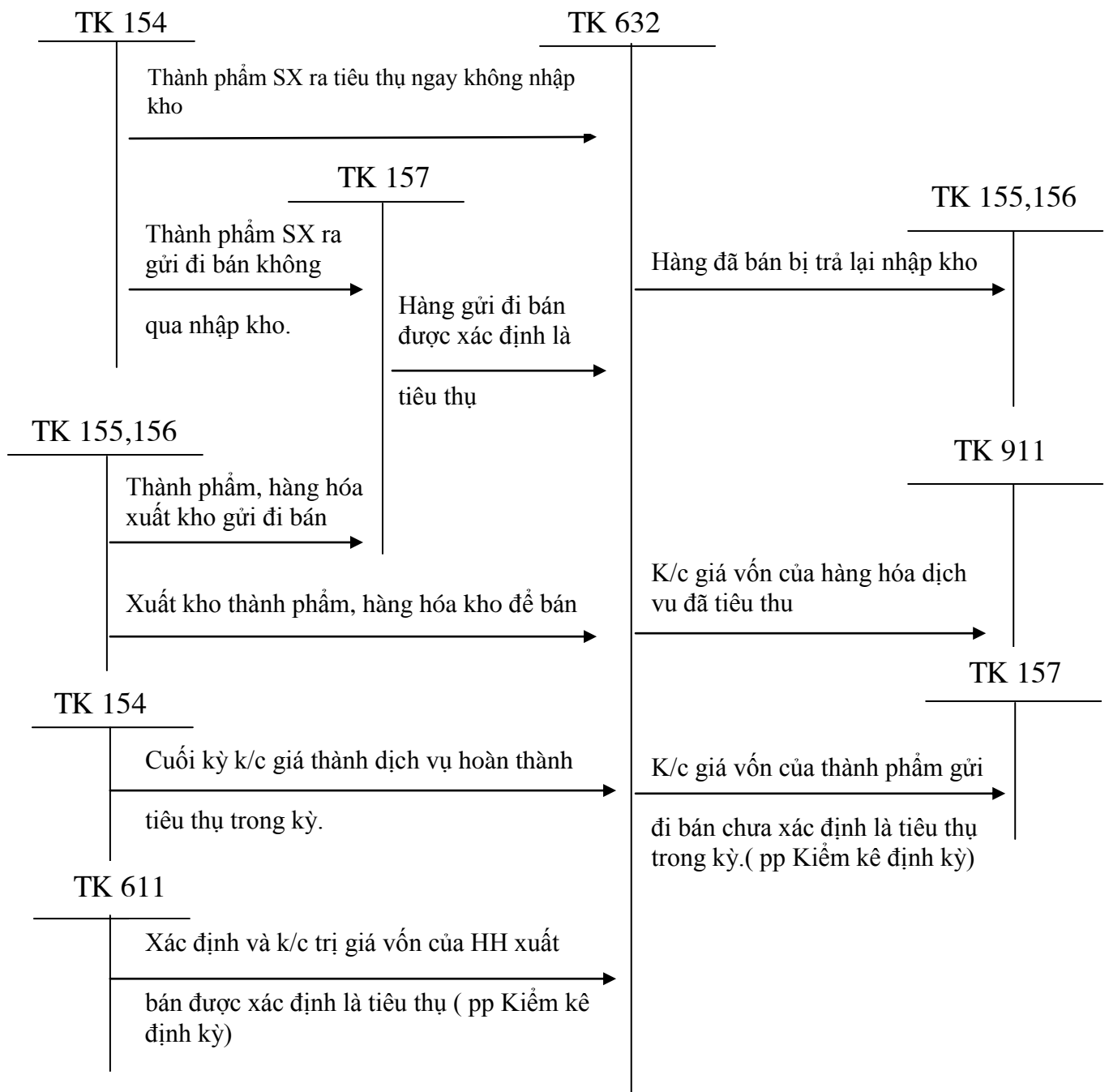
- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã lập năm trước.

Bên Có:

- + Phản ánh các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- + Giá vốn của hàng bán bị trả lại.
- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

c) Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán.

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**



Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng ... và các chi phí dịch vụ mua ngoài khác.

*** Chứng từ sử dụng**

- + Phiếu chi, bảng phân bổ nguyên, vật liệu, công cụ dụng cụ.
- + Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ...

*** Tài khoản sử dụng**

TK 641 - Chi phí bán hàng.

*** Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:**

- Bên Nợ:

- + Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ

- Bên Có:

- + Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)
- + Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

TK 641 không có số dư cuối kỳ.

TK 641 gồm 07 tài khoản cấp 2:

TK 6411 - Chi phí nhân viên .

TK 6412 - Chi phí vật liệu bao bì.

TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định.

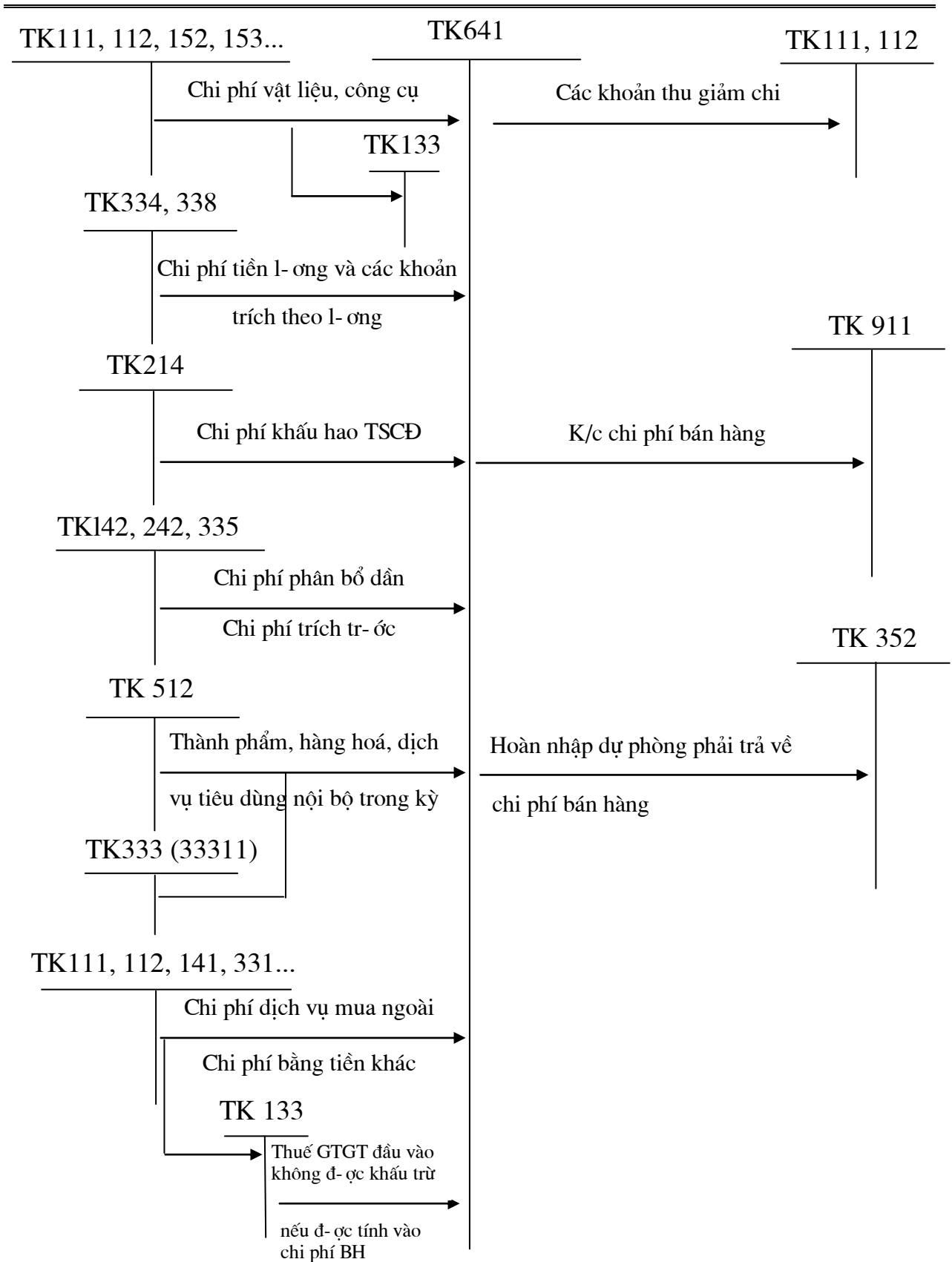
TK 6415 – Chi phí bảo hành

TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác.

*** Phương pháp hạch toán.**

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

1.4.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty. Bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định... và các chi phí bằng tiền khác.

*** Chứng từ sử dụng**

- + Phiếu chi, bảng phân bổ nguyên, vật liệu, công cụ dụng cụ.
- + Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ...

*** Tài khoản sử dụng**

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

*** Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng.**

Bên Nợ:

- + Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- + Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

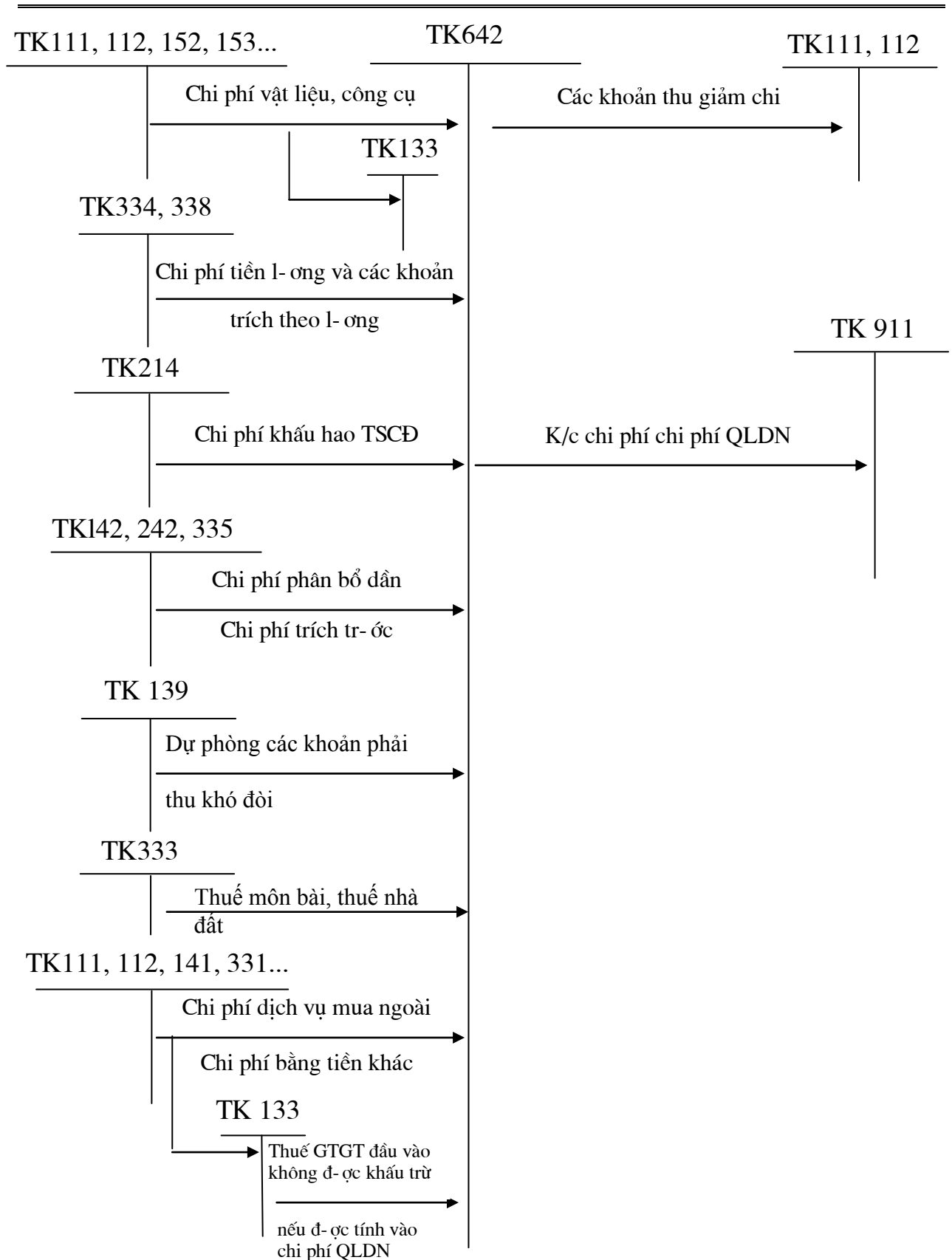
TK 642 không có số dư cuối kỳ.

TK 642 gồm 8 tài khoản cấp 2:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426 – Chi phí dự phòng.
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác.

*** Phương pháp hạch toán.**

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.4.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

1.4.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính: là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

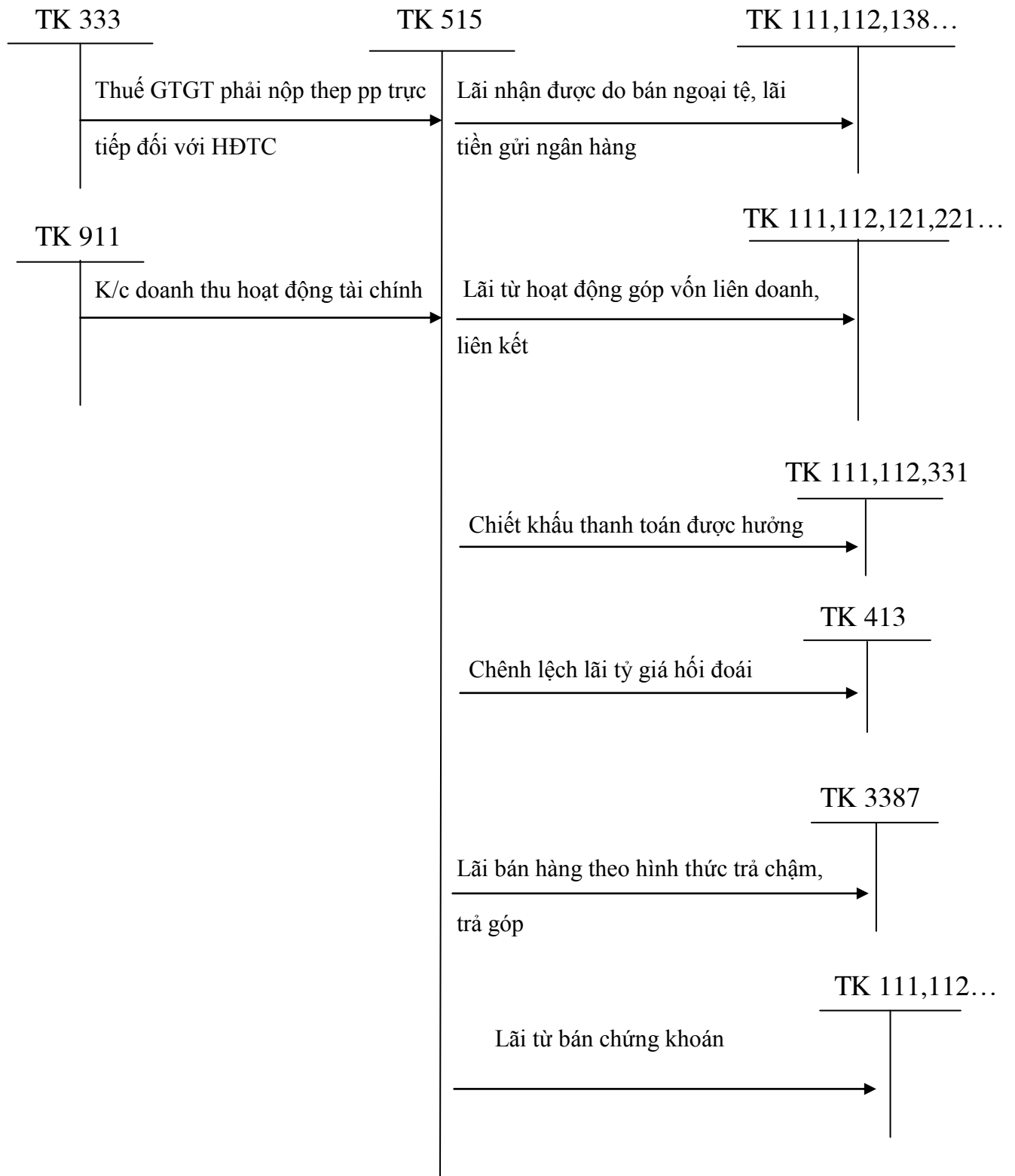
- + Tiền lãi thu được từ cho vay ngắn hạn, dài hạn.
- + Tiền lãi thu được do doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.
- + Tiền lãi thu được liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.
- + Thu nhập từ cho thuê tài sản.
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết.
- + Thu nhập chuyển nhượng cho thuê cơ sở hạ tầng.
- + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- + Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán.
- + Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng do trả tiền trước hạn.

** Tài khoản sử dụng.*

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

** Phương pháp hạch toán.*

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.4.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

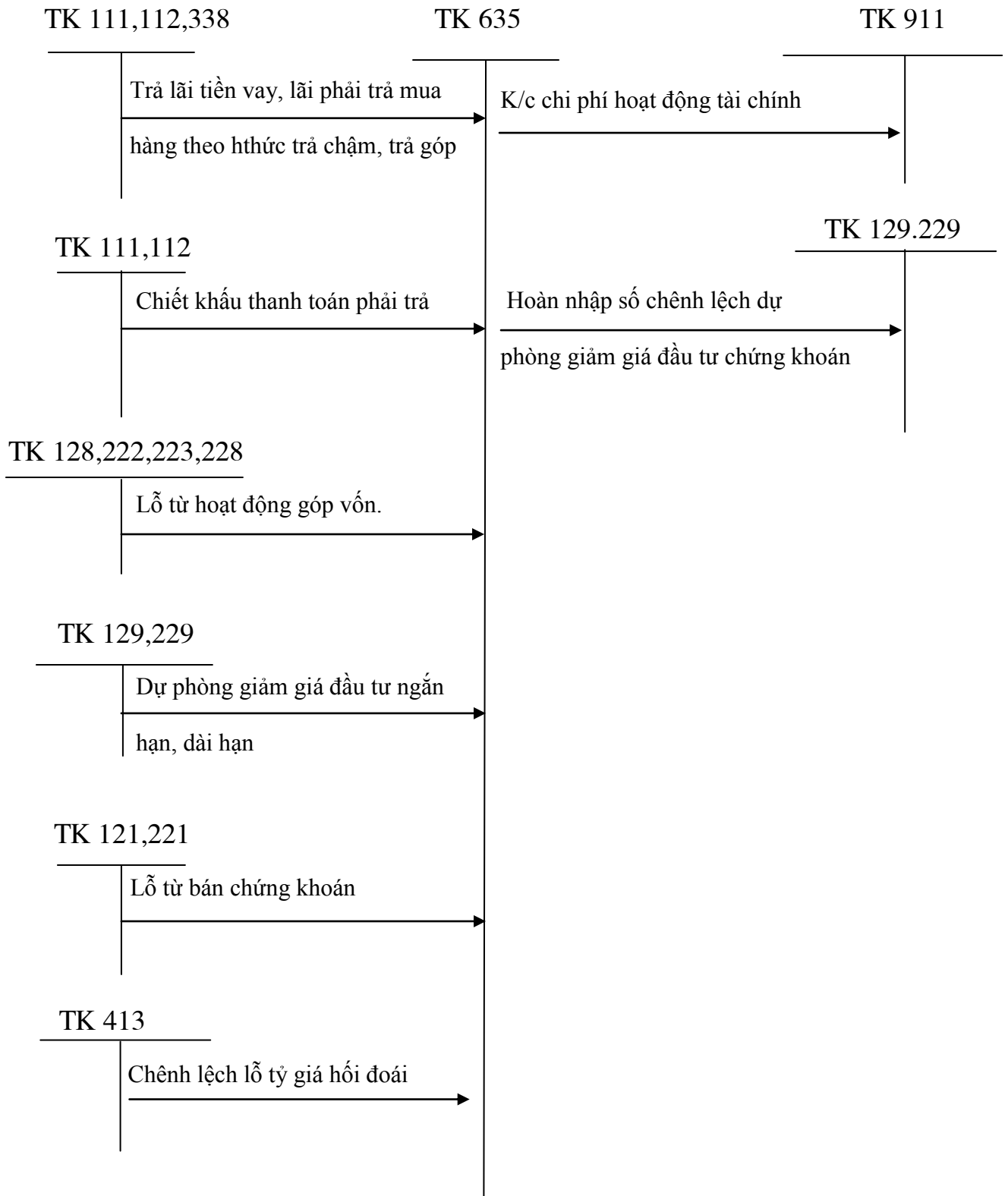
- + Các chi phí lỗ liên quan đến đầu tư tài chính.
- + Chi phí liên quan đến lãi vay phải trả khi doanh nghiệp đi vay ngắn hạn, dài hạn. Lãi phải trả do mua hàng theo hình thức trả chậm, trả góp.
- + Chi phí phát sinh liên quan đến đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- + Lỗ trong việc chuyển nhượng bán chứng khoán, giao dịch chứng khoán, hoàn nhập về đầu tư chứng khoán.
- + Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- + Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán phát sinh lỗ.
- + Chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua trả tiền trước hạn.

*** Tài khoản sử dụng.**

TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

*** Phương pháp hạch toán.**

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

1.4.4. Kế toán thu nhập và chi phí khác trong doanh nghiệp.

1.4.4.1. Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập hoạt động khác: là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

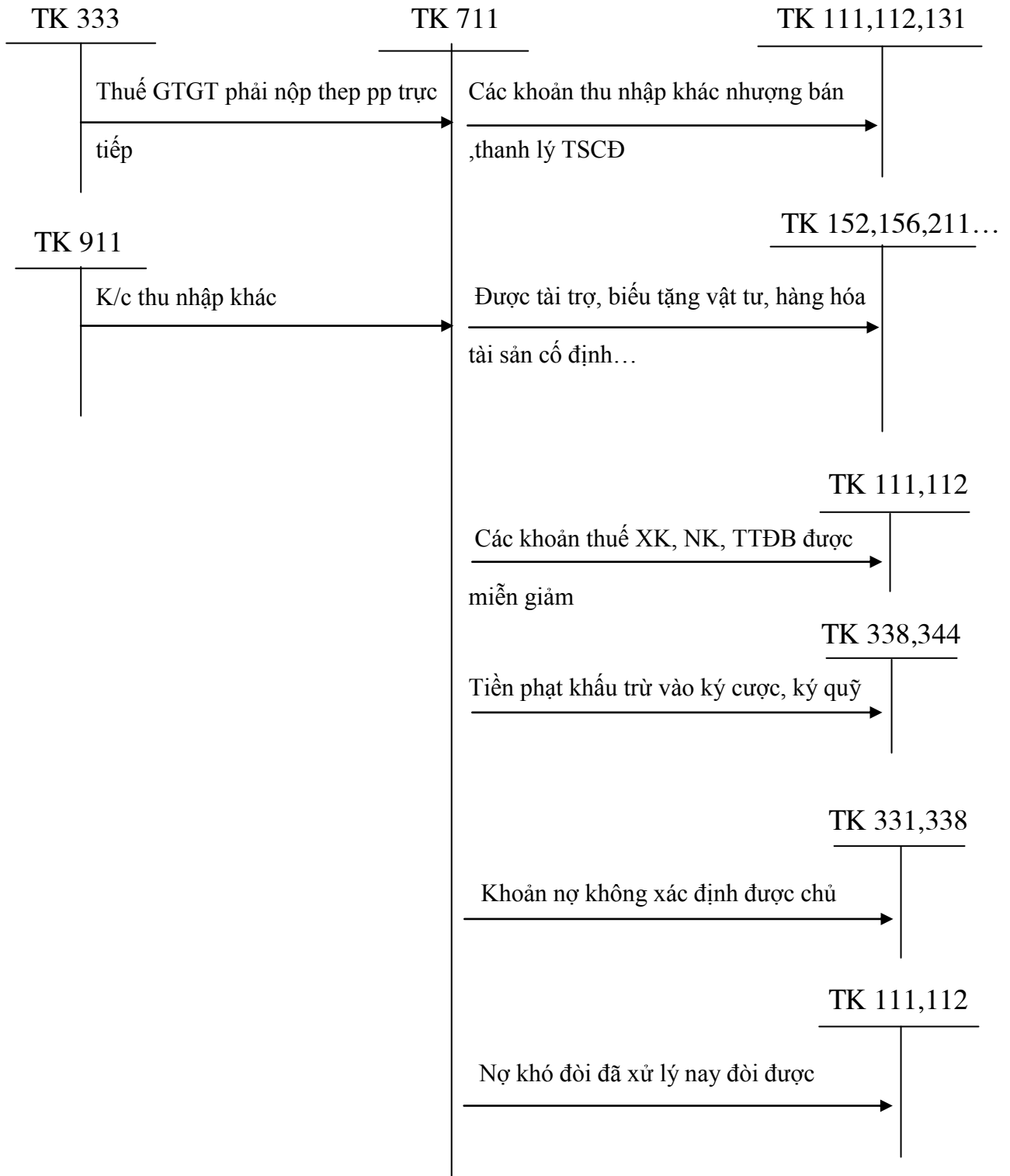
- Khoản thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm dịch vụ không tính vào doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

*** Tài khoản sử dụng.**

TK 711- thu nhập khác, 111, 112...

*** Phương pháp hạch toán.**

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.

1.4.4.2. Kế toán chi phí khác.

Là các khoản chi phí của hoạt động phát sinh ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

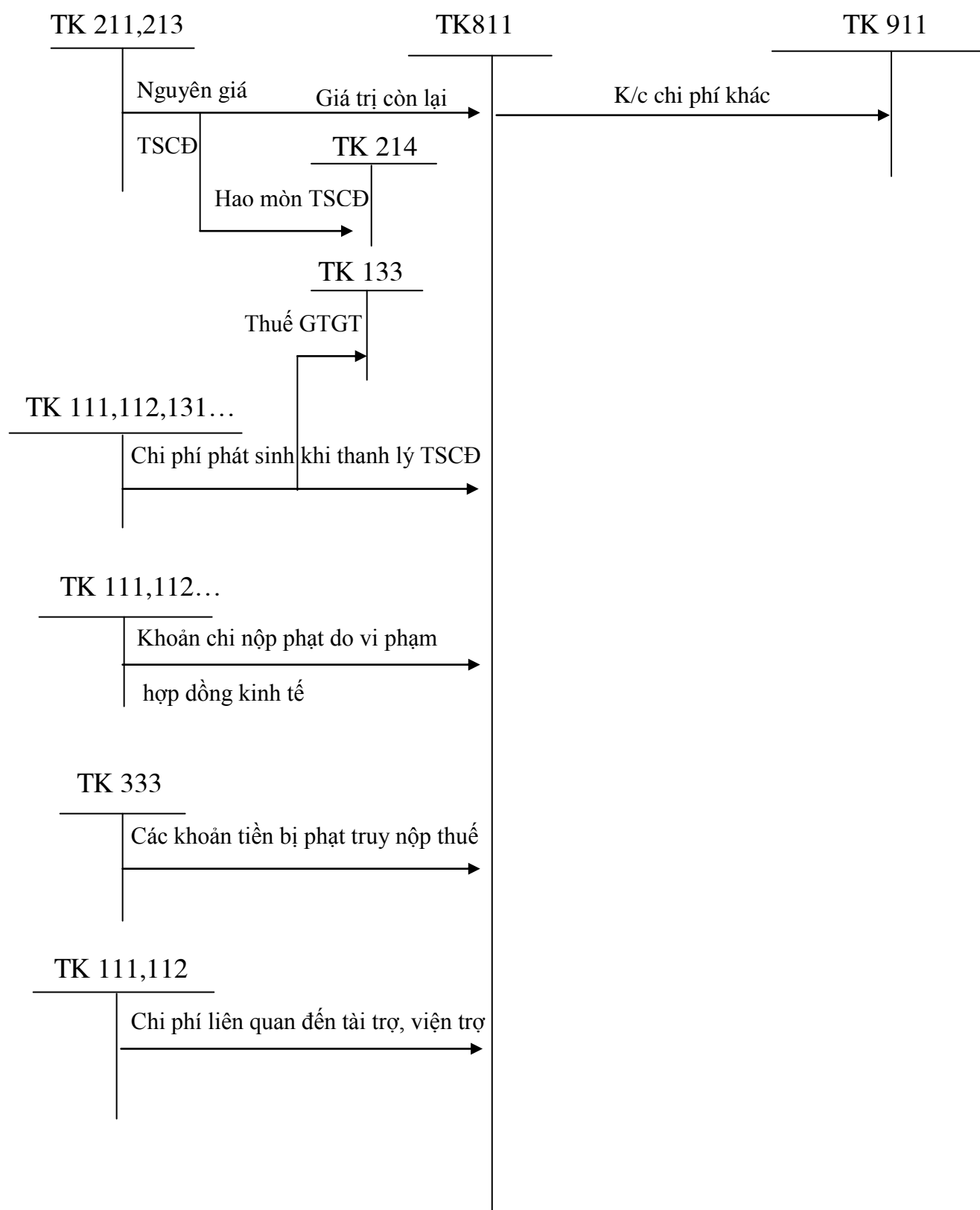
Chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

*** Tài khoản sử dụng.**

TK 811- chi phí khác, 111, 112...

*** Phương pháp hạch toán.**



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán chi phí khác.

1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.5.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh.

* Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu t-, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu t- nh- : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nh- ợng bán bất động sản đầu t-), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

* Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

* Lãi gộp về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

* Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

* Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

* Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

* Lợi nhuận sau thuế TNDN (lợi nhuận ròng, lãi ròng): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.4.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

*** Chứng từ sử dụng**

Các bảng phân bổ chi phí gồm: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Các bảng phân bổ doanh thu và thu nhập thuần kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh và các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng.**

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

***Nội dung kết cấu:**

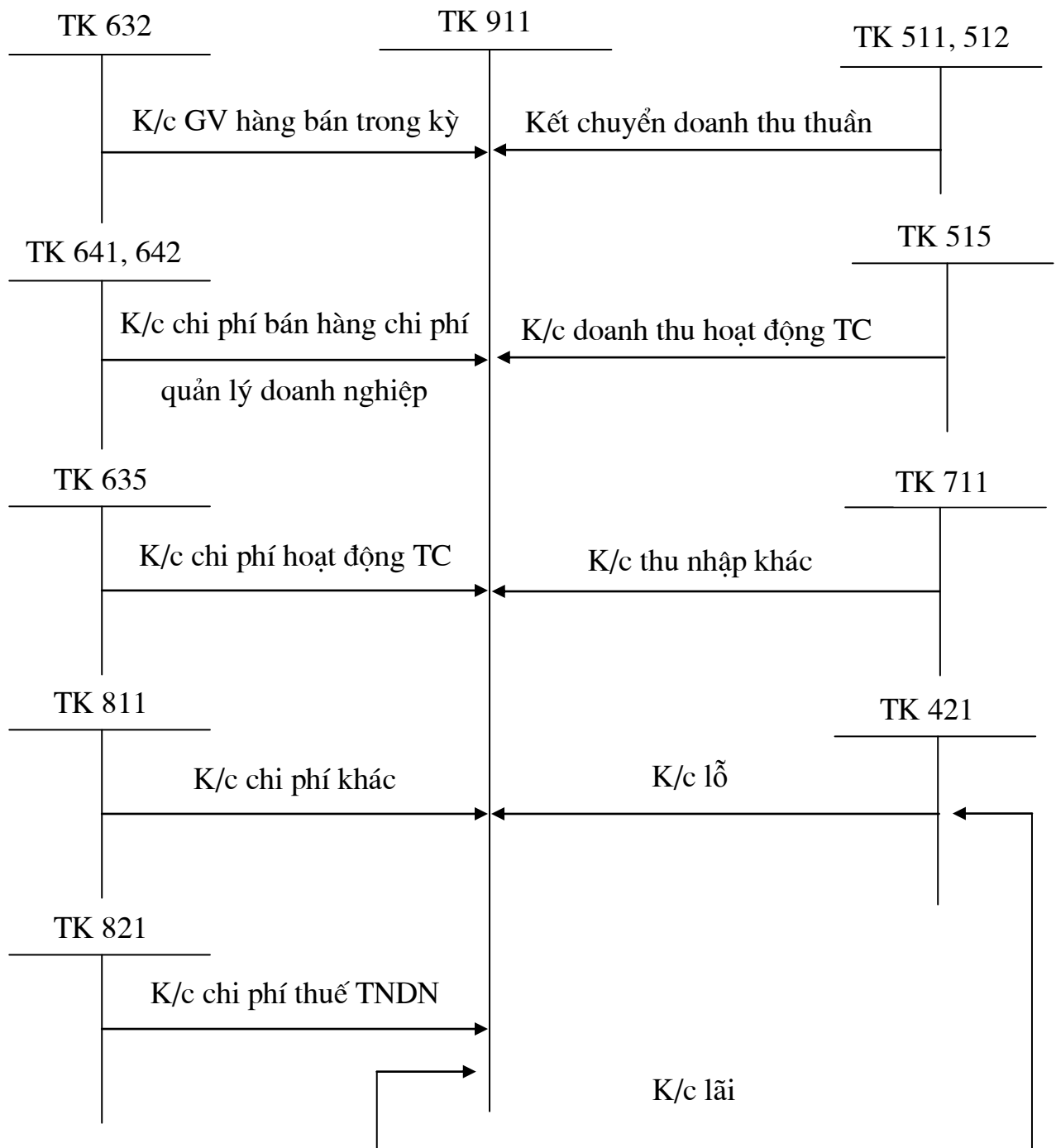
- Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Chi phí tài chính.
- + Chi phí khác.
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Lãi sau thuế các hoạt động khác trong kỳ.

- Bên Có:

- + Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.
 - + Doanh thu hoạt động tài chính.
 - + Thu nhập khác.
 - + Lỗ về các hoạt động trong kỳ.
- TK 911 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10 TẠI HẢI PHÒNG.

2.1. Khái quát chung về Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Tên doanh nghiệp: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10 TẠI HẢI PHÒNG**”.

Trụ sở: **Xã An Hồng – Huyện An Dương – Thành phố Hải Phòng.**

Cơ quan chủ quản: Công ty cổ phần Bạch Đằng 10”.

Ngày thành lập: 19/05/1975.

Điện thoại: 031.3749.838.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Tiền thân của “Chi nhánh công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng” là “Nhà máy dụng cụ Hải Phòng”, được khởi công xây dựng vào năm 1973. Doanh nghiệp được xây dựng với một dây chuyền thiết bị đồng bộ hiện đại, máy móc thiết bị và con người hầu hết được đào tạo qua các trường kỹ thuật. Được thành lập vào năm 1975 với nhiệm vụ chuyên sản xuất các công cụ cầm tay phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Nhà máy được thành lập vào ngày 19/05/1975, sau 6 tháng sản xuất thử 01/01/1976 nhà máy chính thức đi vào hoạt động và cùng năm đó Nhà máy sản xuất sản phẩm của mình sang Cộng Hòa Liên Bang Đức, Liên Xô, Mông Cổ, ... Khi mới thành lập Nhà máy có 9 phòng ban, 5 phân xưởng hoàn chỉnh đồng thời thành lập phân xưởng phụ. Cho tới năm 1989 giải thể phân xưởng phụ và sắp xếp bộ máy quản lý gồm 5 phòng ban và 4 phân xưởng cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Tiếp theo đó, để phù hợp với tình hình sản xuất mới và được sự đồng ý của UBND Thành phố Hải phòng và Tổng Công Ty Xây Dựng Bạch Đằng, ngày 05 tháng 02 năm 1997 “ Nhà máy Dụng Cụ” được đổi tên thành Công ty Dụng Cụ Cơ khí & Xây dựng.

Năm 1997 công ty có một số thị trường sau:

Thị trường xuất khẩu: Kéo Maroc, khóa van dầu cho Mỹ...

Thị trường mở: Thanh răng, khóa xích và các loại bánh răng...

Thị trường xây dựng: Khóa dàn giáo các loại, giá đỡ, tấm lót bê tông, sàn đất...

Ngày 21/03/2000, qua xem xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng Công Ty Xây Dựng Bạch Đằng tại tờ trình số 26/ TTr – TCT và đề nghị của Vụ trưởng vụ tổ chức lao động, Công ty Dụng cụ Cơ khí & Xây dựng được đổi tên thành Công ty Cơ khí & Xây dựng trực thuộc tổng công ty Xây Dựng Bạch Đằng .

Ngày 29/11/2004 quyết định số 106/QĐ – CT của ông chủ tịch hội đồng quản trị về việc thành lập nhà máy Cơ khí Hải Phòng – Công ty cổ phần Bạch Đằng 10.

Ngày 20/08/2008 quyết định số 37/QĐ – CT của hội đồng quản trị công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 về việc đổi tên thành ” Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng”.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của “ Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng”.

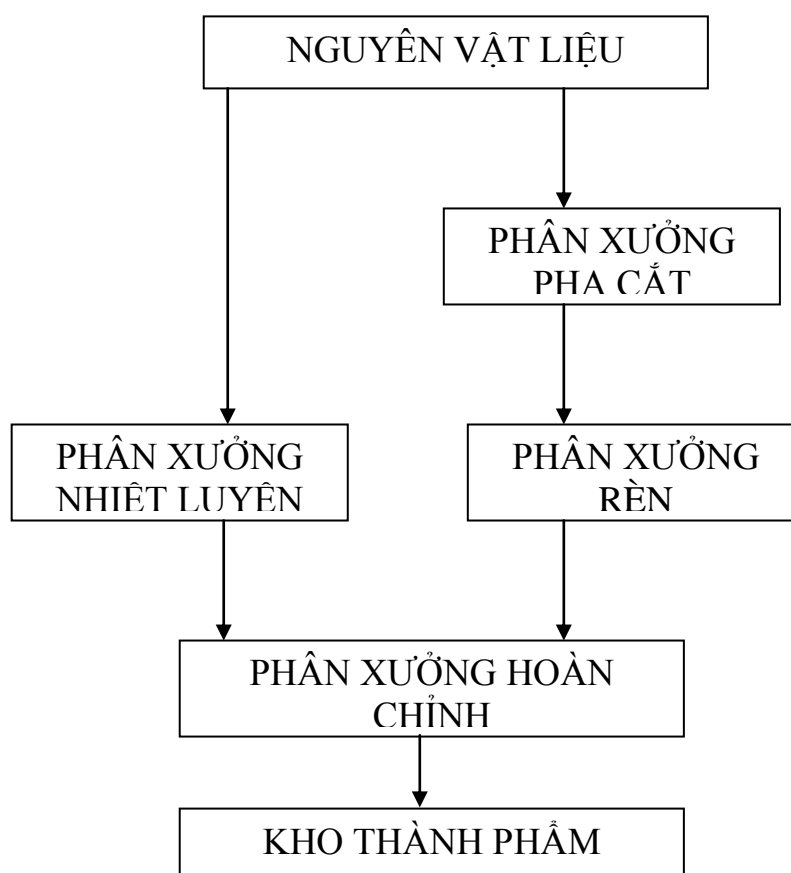
Trước đây doanh nghiệp chuyên sản xuất các dụng cụ cầm tay phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Hiện nay doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm phục vụ cơ khí.

Trước đây những mặt hàng chính của doanh nghiệp là : Kìm điện, kìm vạn năng, kìm cong hiệu chỉnh, kìm nhổ đinh, kéo cắt tôn, Clê các loại... Hiện nay doanh nghiệp chuyên sản xuất : thanh gạt, khóa xích, các sản phẩm phục vụ mỏ than, chế tạo lắp đặt kết cấu thép...

Ngay từ khi sản phẩm ra đời đã là một địa chỉ có uy tín, quen thuộc với khách hàng trong và ngoài nước. Ngoài những sản phẩm tuyên thống trên Doanh nghiệp còn nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của khách hàng để sản xuất thêm các sản phẩm như: Kéo cắt tôn, kéo tia càn, các loại búa từ 100g đến 5 kg.

Công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo hình thức dây chuyền. Do đó tổ chức quá trình sản xuất sao cho bộ máy doanh nghiệp hoạt động nhịp nhàng tạo ra sản phẩm tốt nhất là rất khó khăn cần phải nghiên cứu, khắc phục nhiều mới đưa ra được phương án tối ưu. Dưới đây là dây chuyền công nghệ của công ty:

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất của công ty



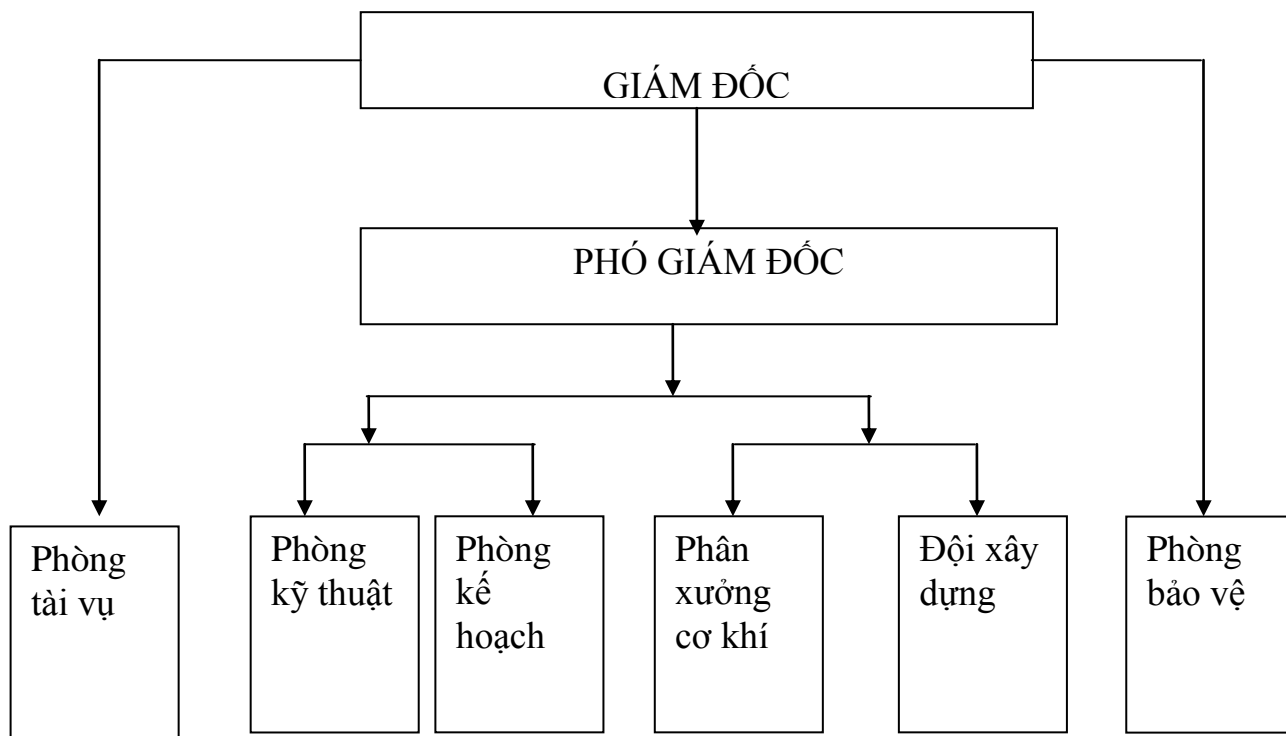
Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng có nhiều kinh nghiệm về nguồn mua nguyên vật liệu với giá cả hợp lý. Vì vậy việc cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất theo nhu cầu của khách hàng và tiêu thụ sản phẩm.

Nguyên vật liệu được nhập về và được chuyển xuống các phân xưởng:

- + Phân xưởng pha cắt: Cắt và định hình sắt các loại thành các chi tiết nhỏ của sản phẩm.
- + Phân xưởng rèn: Rèn các chi tiết của phôi do phân xưởng pha cắt chuyển qua. Hoàn chỉnh thành hình nhập kho bán thành phẩm.
- + Phân xưởng nhiệt luyện: Nhiệt luyện các phụ kiện và nhập kho bán thành phẩm.
- + Phân xưởng hoàn chỉnh: Nhập sản phẩm tại kho bán thành phẩm, thực hiện công việc kiểm tra sản phẩm, chuyển sang kho thành phẩm.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh.



Bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Mỗi bộ phận đều chịu sự lãnh đạo của cấp cao nhất, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và có nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giám đốc: vừa là người đại diện về mặt Nhà nước vừa là người đại diện cho cán bộ công nhân viên, quản lý điều hành công ty theo chế độ một thủ trưởng, là đại diện toàn quyền của công ty trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phó giám đốc: Là người trực tiếp giúp việc cho giám đốc, là người thay thế giám đốc điều hành công ty khi giám đốc đi vắng, đồng thời cũng là người giúp giám đốc điều hành các phòng ban.
- Phòng bảo vệ tổ chức: Tham mưu cho cấp ủy – Giám đốc và công tác cán bộ, tổ chức quản lý lao động và tiền lương trong nhà máy. Giúp giám đốc trong công tác bảo vệ chính trị, bảo vệ kinh tế và xây dựng lực lượng huấn luyện tự vệ.

- Phòng tài vụ: Giúp giám đốc tổ chức chỉ đạo công tác tài chính, thống kê kế toán, hạch toán sản xuất kinh doanh, nắm vững thông tin kinh tế báo các kịp thời đồng thời làm nhiệm vụ kiểm kê kiểm soát về kinh tế tài chính trong sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phòng kỹ thuật: Giúp giám đốc về công tác khoa học kỹ thuật và quản lý bản vẽ kỹ thuật, thiết kế sản phẩm mới cải tiến công nghệ, thiết bị phục vụ sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, xây dựng các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn các cấp.

- Phòng kế hoạch vật tư: Tham mưu cho giám đốc trong việc điều hành bộ máy quản lý và sản xuất kinh doanh. Xây dựng kế hoạch và điều độ tác nghiệp kế hoạch sản xuất. Cung ứng mọi nguồn vật tư phục vụ sản xuất, tổ chức quản lý kho hàng, bến bãi. Lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ hàng hóa và ký kết hợp đồng, hợp tác gia công buôn bán sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm.

- Phân xưởng cơ khí: có hai phân xưởng chính:

+ Phân xưởng sản xuất chính: Đảm nhiệm toàn bộ công việc từ việc nhận nguyên vật liệu đến khi hoàn chỉnh các sản phẩm trước khi nhập kho.

Quy trình sản xuất trong phân xưởng này được thực hiện như sau:

Lĩnh nguyên vật liệu → Cắt phôi → Vuốt phôi → Dập hình → Đốt lỗ → Thường hóa → Mài ba via → Ép nhãn → Phay → Nhiệt luyện → Mài bóng → Nhuộm đen → Phân loại → Nhập kho thành phẩm.

Quản đốc phân xưởng và anh chị em công nhân chị trách nhiệm trước giám đốc về chất lượng những công việc thực hiện.

+Phân xưởng cơ điện: Có nhiệm vụ gia công đồ gá theo thiết kế của phòng kỹ thuật và sửa chữa các sự cố về kỹ thuật trong quá trình sản xuất.

- Đội xây dựng công trình: Thi công xây dựng các công trình theo hợp đồng.

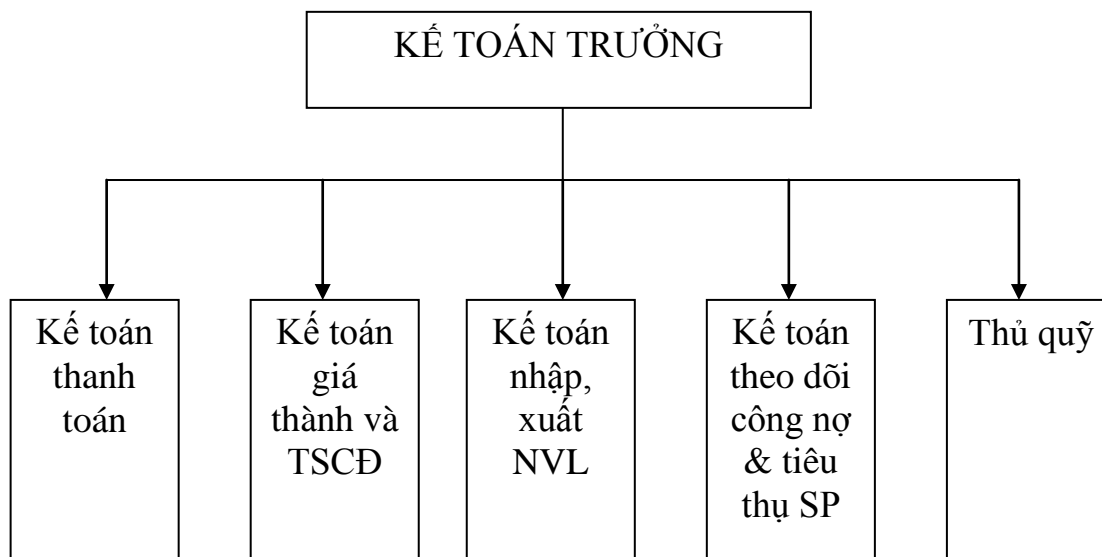
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những nội dung hàng đầu trong tổ chức công tác kế toán của công ty, bởi công tác kế toán phụ thuộc trực tiếp vào trình độ, khả năng thành thạo, đạo đức nghề nghiệp và sự phân công, phân nhiệm hợp lý của các nhân viên trong bộ máy kế toán. Mô hình bộ máy kế toán của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng theo hình thức kế toán tập trung.

Để phục vụ công tác quản lý của công ty, Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng có một ban tài chính kế toán tổ chức theo hình thức tập trung trực tuyến.

Sơ đồ 2.3. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh:



Phòng kế toán gồm 6 người được phân công cụ thể như sau:

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ lập kế hoạch thu chi, kiểm tra các định khoản hạch toán, lập các bảng cân đối kế toán, bảng tổng kết tài sản, lập các báo cáo tài chính, duyệt các chứng từ thu chi. Chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn bộ về phòng kế toán.
- Kế toán thanh toán: Tổng hợp toàn bộ chứng từ thu chi. Theo dõi tài khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Hoàn các loại thuế xuất nhập khẩu và thuế VAT.
- Kế toán giá thành và TSCĐ: Có nhiệm vụ hành tháng tập hợp toàn bộ chi phí liên quan tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Tính giá thành sản phẩm, quản lý và theo dõi tình hình tăng giảm khấu hao tài sản cố định.
- Kế toán theo dõi công nợ và tiêu thụ sản phẩm: Theo dõi toàn bộ vật tư, tiền, hàng hóa, vay mượn của công ty với các công ty khác có liên quan. Theo dõi hạch toán tình hình tiêu thụ sản phẩm.
- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ thu chi khi có các chứng từ được giám đốc và kế toán trưởng duyệt.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao Tài sản cố định: Khấu hao theo đường thẳng.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 của năm, kết thúc ngày 31/12 của năm.
- Đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán là: đồng Việt Nam. Nếu có phát sinh các ngoại tệ thì ngoại tệ đó sẽ được quy đổi ra đồng VNĐ theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán áp dụng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

*** Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng tổ chức và vận dụng chứng từ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

*** Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.4. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Căn cứ vào hệ thống tài khoản và các chế độ kế toán của Nhà Nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty áp dụng hình thức nhật ký chung. Theo hình thức này mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh theo trình tự đúng với thời gian.

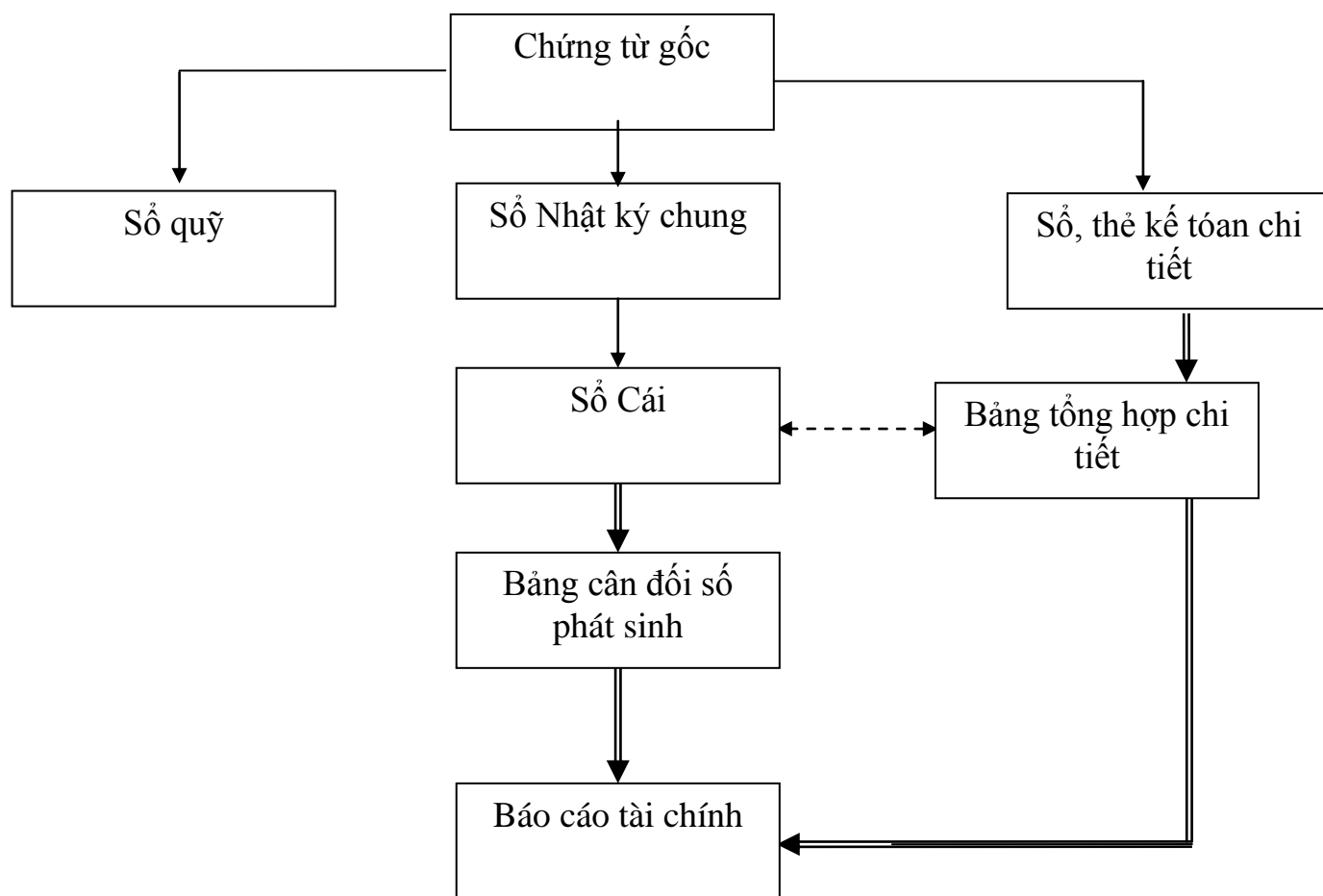
Trình tự ghi sổ.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến các đối tượng cần theo dõi chi tiết thì chứng từ gốc sau khi được dùng làm căn cứ ghi sổ nhật ký chung sẽ được dùng để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

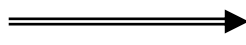
Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối tài khoản. Từ sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với sổ cái. Căn cứ vào bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp, kế toán lập lên các báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung.

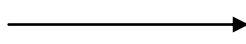
Quy trình luân chuyển chứng từ:



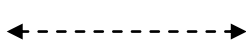
Chú thích



Ghi cuối quý



Ghi hàng ngày



Quan hệ đối chiếu

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ Tài Chính. Cuối mỗi quý, năm kế toán trưởng lập các báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ngoài ra còn có các báo cáo kế toán khác như: Báo cáo quyết toán thuế, báo cáo tổng hợp doanh thu...

2.2 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm, hàng hóa tại Chi nhánh

Trước đây doanh nghiệp chuyên sản xuất các dụng cụ cầm tay phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Hiện nay doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm phục vụ cơ khí.

Trước đây những mặt hàng chính của doanh nghiệp là : Kìm điện, kìm vạn năng, kìm cong hiệu chỉnh, kìm nhổ đinh, kéo cắt tôn, Clê các loại... Hiện nay doanh nghiệp chuyên sản xuất : thanh gạt, khóa xích, các sản phẩm phục vụ mỏ than, chế tạo lắp đặt kết cấu thép...

Ngay từ khi sản phẩm ra đời đã là một địa chỉ có uy tín, quen thuộc với khách hàng trong và ngoài nước. Ngoài những sản phẩm tuyên thông trên Doanh nghiệp còn nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của khách hàng để sản xuất thêm các sản phẩm như: Kéo cắt tôn, kéo tia cành, các loại búa từ 100g đến 5 kg.

2.2.1.2. Phương thức bán hàng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Hiện nay Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng tiến hành theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ với xuất bán trực tiếp cho đối tượng khách hàng có khối lượng nhỏ.

Phương thức thanh toán tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên, Chi nhánh áp dụng thanh toán theo 3 cách:

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát tới ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là đồng tiền ghi sổ chứ không phải là đồng tiền thực tế.

2.2.1.3 Kế toán doanh thu bán hàng

* ***Tài khoản chủ yếu*** mà công ty sử dụng trong doanh thu bán hàng là TK 5112- Doanh thu bán thành phẩm.

* ***Chứng từ sử dụng:***

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu kế toán ...

* ***Sổ sách kế toán sử dụng:***

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra
- Nhật ký chung, Sổ cái TK 511...

Hình thức thanh toán được thực hiện theo như hợp đồng đã ký giữa hai bên có thể là tiền mặt, chuyển khoản, bán chịu.

* ***Phương pháp hạch toán doanh thu***

Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến doanh thu sau khi thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định kế toán viết hóa đơn GTGT và căn cứ vào hình thức thanh toán của khách hàng để lập các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, chứng từ kế toán khác nếu khách hàng trả tiền sau. Từ các chứng từ gốc trên kế toán tập hợp vào nhật ký chung, sổ cái các tài khoản có liên quan, cuối tháng từ sổ cái Tk 511,632,... sẽ là căn cứ lập để bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 12/12/2009 bán thanh gặt cho công ty TNHH Quyết Thắng theo hóa đơn GTGT số 67509 (Biểu số 01). Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán chi tiết ghi sổ chi tiết TK 131 (Biểu số 03), TK 511 (Biểu số 04). Tiếp theo kế toán tổng hợp ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 06) từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng***

511 (Biểu số 07), sổ cái TK 131 (Biểu số 09), cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết TK 511, TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131 (Biểu số 10), bảng tổng hợp chi tiết TK 511 (Biểu số 11)

Ví dụ 2: Ngày 14/12/2009 bán hàng cho công ty cổ phần Hạ Long theo hóa đơn GTGT số 67511 (Biểu số 02) với số tiền chưa thuế là 84.000.000, thuế suất thuế GTGT là 5%. Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán chi tiết ghi sổ chi tiết TK 511 (Biểu số 04), sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 05). Tiếp theo kế toán tổng hợp ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 06), từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 511 (Biểu số 07), sổ cái TK 111 (Biểu số 08).

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT- 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MU/2009B			
Liên 3: nội bộ		67509			
Ngày 12 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng					
Địa chỉ: An Hồng - An Hồng – An Dương – Hải Phòng					
Số TK					
Điện thoại..... MST: 0200584426002					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Quyết Thắng					
Địa chỉ: Nam Sơn - An Dương – Hải Phòng					
Số Tk.....					
Hình thức thanh toán: TM			MST: 020073425		
Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thanh gọt	cái	1.474	56.000	82.500.000
Cộng tiền hàng:					82.500.000
Thuế suất GTGT: 5%					Tiền thuế GTGT 4.125.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					86.625.000
Số tiền bằng chữ: Tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

Biểu số 01

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT- 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MU/2009B			
Liên 3: nội bộ		67511			
Ngày 14 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng					
Địa chỉ: An Hồng - An Hồng – An Dương – Hải Phòng					
Số TK					
Điện thoại..... MST: 0200584426002					
Họ tên người mua hàng: Công ty Cổ Phần Hạ Long					
Địa chỉ: Uông Bí- Quảng Ninh					
Số Tk.....					
Hình thức thanh toán: TM			MST: 0600033779		
Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thanh gọt	cái	1.500	56.000	84.000.000
Cộng tiền hàng:					84.000.000
Thuế suất GTGT: 5%					Tiền thuế GTGT 4.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					88.200.000
Số tiền bằng chữ: Tám mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

Biểu số 02

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

Địa chỉ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA QUÝ IV NĂM 2009

Tài khoản: 131

Tên khách hàng: Công ty TNHH Quyết Thắng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		83.136.811	
		Số phát sinh trong kỳ			
				
HĐ67509	12/12	Bán thanh gạt to cho công ty TNHH Quyết Thắng	511	82.500.000	
			3331	4.125.000	
PT 144	26/12	Cty TNHH Quyết Thắng trả nợ	111		183.136.811
				
		Cộng phát sinh		253.495.089	209.775.682
		Số dư cuối kỳ		126.856.218	

Biểu số: 03

Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

Địa chỉ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV - Năm 2009

Tài khoản: 5112TG- Doanh thu bán thanh gạt

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
SH	NT					Nợ	Có
						
HĐ67509	12/12	Bán thanh gạt cho công ty TNHH Quyết Thắng	131	1.474	56.000		82.500.000
HĐ67511	14/12	Bán thanh gạt cho công ty Cổ phần Hạ Long	111	1.500	56.000		84.000.000
						
		Tổng cộng				1.589.250.000	1.589.250.000

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số 04

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

Địa chỉ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Quý IV - Năm 2009

ĐVT:
Đồng

NT ghi sổ	Số hiệu Chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
			Tồn đầu kỳ			30.027.134
			Phát sinh trong kỳ			
					
13/12		PC143	Chi tiền tiếp khách		150.000	459.899.000
					15.000	459.884.000
14/12	HD67511		Bán thanh gạt cho công ty Cổ phần Hạ Long	84.000.000		543.884.000
				4.200.000		548.084.000
15/12		PC144	Trả tiền điện thoại tháng 11/2009		3.075.235	545.008.765
					307.524	544.701.241
19/12		PC145	Thanh toán tiền xăng xe ô tô		2.489.702	542.211.539
					248.970	541.962.569
21/12	PT142		Cty TNHH Việt Đức nộp tiền hàng	6.157.800		548.120.369
24/12		PC18	Thanh toán tiền ghi lò than		7.500.000	540.620.369
25/12	PT143		Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	35.000.000		575.620.369
26/12	PT144	26/12	Cty TNHH Quyết Thắng trả nợ	183.136.811		758.757.180
					
			Cộng phát sinh	783.113.778	781.991.840	
			Tồn cuối kỳ			31.149.072

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 05

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV - Năm 2009

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>	
12/12	PX 56	12/12	Giá vốn hàng bán	632	73.700.000	
				155		73.700.000
12/12	HĐ 67509	12/12	Bán thanh gạt to cho Công ty TNHH Quyết Thắng	131	86.625.000	
				511		82.500.000
				3331		4.125.000
13/12	PC143	13/12	Chi tiền tiếp khách	6428	150.000	
				133	15.000	
				111		165.000
14/12	PX57	14/12	Giá vốn hàng bán	632	79.850.000	
				155		79.850.000
14/12	HĐ 67511	14/12	Bán thanh gạt to cho Công ty Cổ phần Hạ Long	111	88.200.000	
				511		84.000.000
				3331		4.200.000
15/12	PC144	15/12	Trả tiền điện thoại tháng 11/2009	6427	3.075.235	
				133	307.524	
				111		3.382.759
16/12	HĐ 67512	16/12	Xuất bán khóa xích	131	60.500.000	
				511		55.000.000
				3331		5.500.000
18/12	HĐ 67513	18/12	Xuất bán phôi thép rèn, con lăn	131	3.960.000	
				511		3.600.000
				3331		360.000
					
			<i>Công chuyển trang sau</i>		30.043.488.447	30.043.488.447

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số:06

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK: 511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
12/12	HD67509	12/12	Bán thanh gạt cho công ty TNHH Quyết Thắng	131		82.500.000
14/12	HD67511	14/12	Bán thanh gạt cho công ty Cổ phần Hạ Long	111		84.000.000
16/12	HD67512	16/12	Xuất bán khóa xích	131		55.000.000
18/12	HD67513	18/12	Xuất bán phôi thép rèn, con lăn	131		3.600.000
					
31/12	PKT 87	31/12	K/c doanh thu bán hàng	911	5.564.164.477	
			<i>Cộng phát sinh</i>		<i>5.564.164.477</i>	<i>5.564.164.477</i>
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 07

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK: 111

Tên TK: TIỀN MẶT

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		30.027.134	
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
				6428		150.000
13/12	PC143	13/12	Chi tiền tiếp khách	133		15.000
			Bán thanh gạt cho công ty Cổ	511	84.000.000	
14/12	HD67511	14/12	phần Hạ Long	333	4.200.000	
				6427		3.075.235
15/12	PC144	15/12	Trả tiền điện thoại tháng 11/2009	133		307.524
				6427		2.489.702
19/12	PC145	19/12	Thanh toán tiền xăng xe ô tô	133		248.970
21/12	PT142	21/12	Cty TNHH Việt Đức nộp tiền	131	6.157.800	
24/12	PC145	24/12	Thanh toán tiền ghi lò than	331		7.500.000
25/12	PT143	25/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	112	35.000.000	
26/12	PT144	26/12	Cty TNHH Quyết Thắng trả nợ	131	183.136.811	
					
			Cộng phát sinh		783.113.778	781.991.840
			Số dư cuối kỳ		31.149.072	

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 08

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK: 131

Tên TK: Phải thu của khách hàng

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		<i>2.241.054.380</i>	
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
12/12	HD67509	12/12	Bán thanh gạt cho công ty TNHH Quyết Thắng	511	82.500.000	
				3331	4.125.000	
				511	55.000.000	
16/12	HD67512	16/12	Xuất bán khóa xích	3331	5.500.000	
18/12	HD67513	18/12	Xuất bán phôi thép rèn, con lăn	511	3.600.000	
				3331	360.000	
					
			<i>Cộng phát sinh</i>		<i>6.372.626.929</i>	<i>5.566.825.091</i>
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		<i>2.876.856.218</i>	

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 09

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Tài khoản: TK131

Quý IV - Năm 2009

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
5	Cty TNHH Quyết Thắng	83.136.811		253.495.089	209.775.682	126.856.218	
6	Cty CP Cơ khí Mạo Khê	250.300.000	100.000.000	226.750.450	259.850.896	217.199.554	
7	Nhà máy khóa 1-12	56.789.123	20.000.000	125.560.000	156.478.123	25.871.000	
8	Xí nghiệp 583	123.405.000	50.000.000	256.458.759	309.725.000	70.138.759	
9	Cty Cổ phần Đức 19-5	89.756.200		235.696.805	226.968.826	98.484.179	
						
	Cộng	2.241.054.380	170.000.000	6.372.626.929	5.566.825.091	2.876.856.218	

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Biểu số 10

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Tài khoản 511. Quý IV - Năm 2009

STT	Tên sản phẩm	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
3	Thanh gät			1.589.250.000	1.589.250.000		
4	Khóa xích			1.062.075.000	1.062.075.000		
5	Phôi thép rèn, con lăn			826.968.066	826.968.066		
6	Tay xách bình ga			210.460.000	210.460.000		
7	Lưỡi kéo cắt tôn			409.725.000	409.725.000		
						
	Cộng			5.564.164.477	5.564.164.477		

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Biểu số: 11

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Giá vốn hàng bán của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng được xác định căn cứ vào trị giá thực tế của thành phẩm nhập kho.

Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song. Tại kho, thủ kho thực hiện việc theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của các sản phẩm thông qua thẻ kho. Tại phòng kế toán các kế toán theo dõi tình hình tăng giảm của hàng tồn kho thông qua các sổ chi tiết thành phẩm, hàng hóa ... và bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn trong kỳ.

2.2.2.1 Phương pháp tính giá vốn: Tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

* **Ví dụ:** Ngày 12/12/2009 Công ty bán hàng cho TNHH Quyết Thắng. Thực xuất thanh gạt là 1.474 cái.

Biết:- số dư đầu kỳ của thanh gạt là 1.500 cái. Đơn giá là 50.000/cái.

- ngày 8/12 nhập kho 500 cái đơn giá là 52.000/cái.

- ngày 12/12 xuất kho 1.474 cái bán cho công ty TNHH Quyết Thắng.

Vậy trị giá xuất kho hàng bán theo phương pháp nhập trước – xuất trước của thanh gạt ngày 12/12/2009 là : $1.474 \times 50.000 = 73.700.000$ đồng

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng:

TK 632: Giá vốn hàng bán

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

Đơn vị: Chi nhánh công ty

Mẫu số: 02-VT

Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải phòng.

QĐ số 15/2006/QĐ/BTC

Địa chỉ: An Hồng- An Dương – Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Nợ	Có
632	155

Tên người nhận hàng: Nguyễn Xuân Cường

Địa chỉ: Công ty TNHH Việt Đức

Lý do xuất: Xuất bán thanh gạt.

Xuất tại kho: Đỗ Thị Ngoãn

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Y/C	Thực xuất		
1	Thanh gạt to	TG	Cái	1.474	1.474	50.000	73.700.000
	Cộng						73.700.000

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

PT cung tiêu
(Đã ký)

Người nhận
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

Biểu số 12

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV - Năm 2009

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	tháng			NỢ	CÓ
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>	
12/12	PX 56	12/12	Giá vốn hàng bán	632	73.700.000	
				155		73.700.000
12/12	HD 67509	12/12	Bán thanh gạt to cho Công ty TNHH Quyết Thắng	131	86.625.000	
				511		82.500.000
				3331		4.125.000
13/12	PC143	13/12	Chi tiền tiếp khách	6428	150.000	
				133	15.000	
				111		165.000
14/12	PX57	14/12	Giá vốn hàng bán	632	79.850.000	
				155		79.850.000
14/12	HD 67511	14/12	Bán thanh gạt to cho Công ty Cổ phần Hạ Long	111	88.200.000	
				511		84.000.000
				3331		4.200.000
15/12	PC144	15/12	Trả tiền điện thoại tháng 11/2009	6427	3.075.235	
				133	307.524	
				111		3.382.759
16/12	PX58	16/12	Xuất bán khóa xích	632	47.854.123	
				155		47.854.123
18/12	PX59	18/12	Xuất bán phôi thép rèn, con lăn	632	2.750.000	
				155		2.750.000
					
			<i>Công chuyển trang sau</i>		30.043.488.447	30.043.488.447

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số:13

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK:632

Tên TK: Giá vốn hàng bán

ĐVT:Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
12/12	PX56	12/12	Bán thanh gạt cho công ty TNHH Quyết Thắng	155	73.700.000	
14/12	PX57	14/12	Bán thanh gạt cho công ty Cổ Phần Hạ Long	155	79.850.000	
16/12	PX58	16/12	Xuất bán khóa xích	155	47.854.123	
18/12	PX59	18/12	Xuất bán phôi thép rèn, con lăn	155	2.750.000	
					
31/12	PKT 88	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	911		4.985.211.630
			Cộng phát sinh		4.985.211.630	4.985.211.630
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số:14

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

2.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng

Kế toán hạch toán chi phí bán hàng trên TK 641. Công ty chỉ sử dụng tài khoản cấp 1, không sử dụng tài khoản chi tiết cấp 2 vì TK 641 chỉ phản ánh về tình hình vận chuyển hàng hóa, thành phẩm.

2.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Kế toán hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp trên TK 642. Các chi phí quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh bao gồm:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

Tk 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

Tk 6424: Chi phí KH TSCĐ

Tk 6425: Thuế, phí và lệ phí

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278: Chi phí bằng tiền khác.

Các chứng từ sử dụng như:-

- phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán
- bảng thanh toán, phân bổ lương
- hóa đơn GTGT

Hàng ngày căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung, từ đó lập các sổ khác có liên quan.

* Ví dụ: 6/12/2009 Công ty trả tiền cước vận chuyển cho công ty TNHH XDVT&TM Bảo Huy theo hóa đơn GTGT số 17212 (Biểu số 15) với số tiền là 1.900.000đ (chưa thuế GTGT là 10%). công ty trả tiền ngay.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi (Biểu số 16), kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số: 17), từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 641 (Biểu số:18)...

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT- 3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MU/2009B
Liên 2: Giao khách hàng		17212
Ngày 6 tháng 12 năm 2009		
Đơn vị bán hàng: : Công ty TNHH XDVT&TM Bảo Huy		
Địa chỉ: Uông Bí- Quảng Ninh		
Số TK		
Điện thoại..... MST: 0600033779		
Họ tên người mua hàng: Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng		
Địa chỉ: An Hồng - An Hồng – An Dương – Hải Phòng		
Số Tk.....		
Hình thức thanh toán: TM		MST: 0200584426002
Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính
Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận chuyển	1.900.000
Cộng tiền hàng:		1.900.000
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT	190.000
Tổng cộng tiền thanh toán:		2.090.000
Số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.		
Người mua hàng (Đã ký)	Người bán hàng (Đã ký)	Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)

Biểu số 15

Đơn vị: Chi nhánh công ty
Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải phòng.
Địa chỉ: An Hồng- An Dương – HP

Mẫu số: 02-TT
QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 6 tháng 12 năm 2009

Nợ TK 641: 1.900.000

Nợ TK 133: 190.000

CóTK 111:2.090.000

Họ, tên người nhận tiền : Công ty TNHH XDVT&TM Bảo Huy

Địa chỉ: Uông Bí- Quảng Ninh

Lý do chi: Trả tiền cước vận chuyển hóa đơn 17212

Số tiền: **2.090.000**

Bằng chữ: **Hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng chẵn**

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 6 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu số 16

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV - Năm 2009

DVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>	
					
6/12	HD17212	6/12	Trả tiền cước vận chuyển cho công ty TNHH Bảo Huy	641	1.900.000	
				133	190.000	
				111		2.090.000
7/12	PC 139	6/12	Thanh toán tiền chuyển phát nhanh	642	26.500	
				111		26.500
10/12	HD10213	10/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	665.000	
				133	66.500	
				111		731.500
14/12	HD15714	14/12	Thuê xe chở hàng đi Uông Bí	641	1.000.000	
				133	100.000	
				111		1.100.000
15/12	HD447668	15/12	Trả tiền điện thoại tháng 11/2009	642	3.075.235	
				133	307.524	
				111		3.382.759
16/12	HD007216	16/12	Trả tiền cước vận chuyển cho cty Cổ phần thép Vạn Lợi	641	950.000	
				133	95.000	
				331		1.045.000
					
			Cộng chuyển trang sau		30.043.488.447	30.043.488.447

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 17

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10
ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI
Quý IV - Năm
2009
Số hiệu TK: 641
Tên TK: Chi phí bán hàng

DVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
15/11	HĐ15713	15/11	Thuê xe chở hàng đi Uông Bí	111	700.000	
19/11	HĐ 007215	19/11	Trả tiền cước vận chuyển	331	550.000	
6/12	HĐ17212	6/12	Trả tiền cước vận chuyển	111	1.900.000	
14/12	HĐ15714	14/12	Thuê xe chở hàng đi Uông Bí	111	1.000.000	
16/12	HĐ007216	16/12	Trả tiền cước vận chuyển	331	950.000	
					
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		56.000.000
			Cộng phát sinh		56.000.000	56.000.000
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 18

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK: 642

Tên Tk: Chi phí quản lý doanh nghiệp

ĐVT: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
10/11	HĐ017245	10/11	Thanh toán tiền tiếp khách	111	1.545.000	
16/11	PC136	16/11	Thanh toán tiền sửa xe ô tô	111	452.000	
21/11	HĐ003071	21/11	Thanh toán tiền sửa máy tính	331	1.574.271	
29/11	PC137	29/11	Thanh toán tiền thay lọc dầu	111	250.000	
30/11	PC138	30/11	Thanh toán tiền phí đường	111	150.000	
					
7/12	PC139	7/12	Thanh toán tiền chuyển phát nhanh	111	26.500	
10/12	HĐ10213	10/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	665.000	
15/12	HĐ447668	15/12	Trả tiền điện thoại tháng 11/2009	111	3.075.235	
					
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		450.783.862
			Cộng phát sinh		450.783.862	450.783.862
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu số 19

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Tại Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng, doanh thu hoạt động tài chính chính là lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh ổn định hàng tháng do khoản mục này ít biến đổi.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Sổ phụ và giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng:** TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

*** Phương pháp hạch toán:**

Khi phát sinh doanh thu hoạt động tài chính, các số liệu được cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 515. Cuối kỳ dựa trên sổ Nhật ký chung lập sổ cái TK 515.

VD: ngày 30/11/2009 tại Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng nhận được thông báo của ngân hàng về khoản lãi tiền gửi tháng 11 số tiền là 79.924 đồng. Khi nhận được giấy báo có của ngân hàng (Biểu số 20) kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 21), từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (Biểu số 22)...

SACOMBANK

Branch: NHSG Thương tín Hải Phòng.

GIẤY BÁO C Ó

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Kính gửi: Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 009704060008382

Số tiền bằng số: 79,924 VNĐ

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi chín nghìn chín trăm hai mươi tư đồng.

Nội dung: ## Lãi nhập gốc ##

Biểu số 20

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV - Năm 2009

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>	
31/10	GBC085	31/10	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	125.000	
			515		125.000
30/11	GBC086	30/11	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	79.924	
			515		79.924
31/12	GBC087	31/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	115.850	
			515		115.850
6/12	HĐ17212	6/12	Trả tiền cước vận chuyển cho công ty TNHH Bảo Huy	641	1.900.000	
			133	190.000	
			111		2.090.000
7/12	PC 139	6/12	Thanh toán tiền chuyển phát nhanh	642	26.500	
			111		26.500
10/12	HĐ10213	10/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	665.000	
			133	66.500	
			111		731.500
14/12	HĐ15714	14/12	Thuê xe chở hàng đi Uông Bí	641	1.000.000	
			133	100.000	
			111		1.100.000
15/12	HĐ447668	15/12	Trả tiền điện thoại tháng 11/2009	642	3.075.235	
			133	307.524	
			111		3.382.759
16/12	HĐ007216	16/12	Trả tiền cước vận chuyển cho cty Cổ phần thép Vạn Lợi	641	950.000	
			133	95.000	
			331		1.045.000
					
			Cộng chuyển trang sau		30.043.488.447	30.043.488.447

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 21

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK: 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
31/10	GBC085	31/10	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng			125.000
30/11	GBC086	30/11	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng			79.924
31/12	GBC087	31/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112		115.850
					
31/12	PKT87	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	958.852	
					
			Cộng phát sinh		958.852	958.852
			Số dư cuối kỳ			

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 22

2.2.5. Kế toán chi phí tài chính tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Chi phí hoạt động tài chính của chi nhánh chủ yếu là lãi tiền vay ngân hàng.

- **Chứng từ sử dụng:** Giấy báo nợ ngân hàng
- **Tài khoản sử dụng:** TK635 – Chi phí hoạt động tài chính.
- **Phương pháp hạch toán:** Khi phát sinh chi phí hoạt động tài chính các số liệu được cập nhật vào sổ nhật ký chung. Cuối kỳ kế toán lập sổ cái TK 635.

Ví Dụ:

Ngày 30/11/2009 ngân hàng gửi giấy báo nợ (Biểu số 23), cho công ty về số tiền lãi phải trả là 175.750 đồng. Kế toán tổng hợp ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 24), sau đó vào sổ cái TK 635 (Biểu số 25).

SACOMBANK

Branch: NHSG Thương tín Hải Phòng.

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Kính gửi: Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 009704060008382

Số tiền bằng số: 175,750 VNĐ

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy lăm nghìn bảy trăm lăm mươi đồng.

Nội dung: ## Trả lãi tiền gửi ##

Biểu số 23

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HÒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>	
30/11	GBN083	30/11	Trả lãi tiền gửi ngân hàng	635	175.750	
				112		175.750
30/11	GBC086	30/11	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	79.924	
				515		79.924
					
6/12	HĐ17212	6/12	Trả tiền cước vận chuyển cho công ty TNHH Bảo Huy	641	1.900.000	
				133	190.000	
				111		2.090.000
7/12	PC 139	6/12	Thanh toán tiền chuyển phát nhanh	642	26.500	
				111		26.500
10/12	HĐ10213	10/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	665.000	
				133	66.500	
				111		731.500
14/12	HĐ15714	14/12	Thuê xe chở hàng đi Uông Bí	641	1.000.000	
				133	100.000	
				111		1.100.000
15/12	HĐ007216	15/12	Trả tiền điện thoại tháng 11/2009	642	3.075.235	
				133	307.524	
				111		3.382.759
					
			Cộng chuyển trang sau		30.043.488.447	30.043.488.447

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 24

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10
ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK: 635

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

ĐVT: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
30/11	GBN 083	30/11	Trả lãi tiền gửi ngân hàng	112	175.750	
					
31/12	PKT88	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		637.419
					
			<i>Cộng phát sinh</i>		637.419	637.419
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Biểu số 25

2.2.6. Tổ chức công tác kế toán. Xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của công ty, kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

2.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh.:

Việc xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng đ- ợc thực hiện vào cuối mỗi quý.

Kết quả kinh doanh tại công ty bao gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Kết quả hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác.

Trong đó:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí QLDN
--	---	--------------------	---	---------------------	---	---------------------	---	-----------------

Do trong quý IV/2009 Công ty không phát sinh các khoản làm giảm trừ doanh thu nên doanh thu thuần chính bằng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
--------------------------------	---	----------------------------------	---	----------------------

Kết quả hoạt động khác	=	Doanh thu khác	-	Chi phí khác
---------------------------	---	-------------------	---	-----------------

Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ :

$$= 5.564.164.477 - 4.985.211.630 - 56.000.000 - 450.783.862 = 72.168.985$$

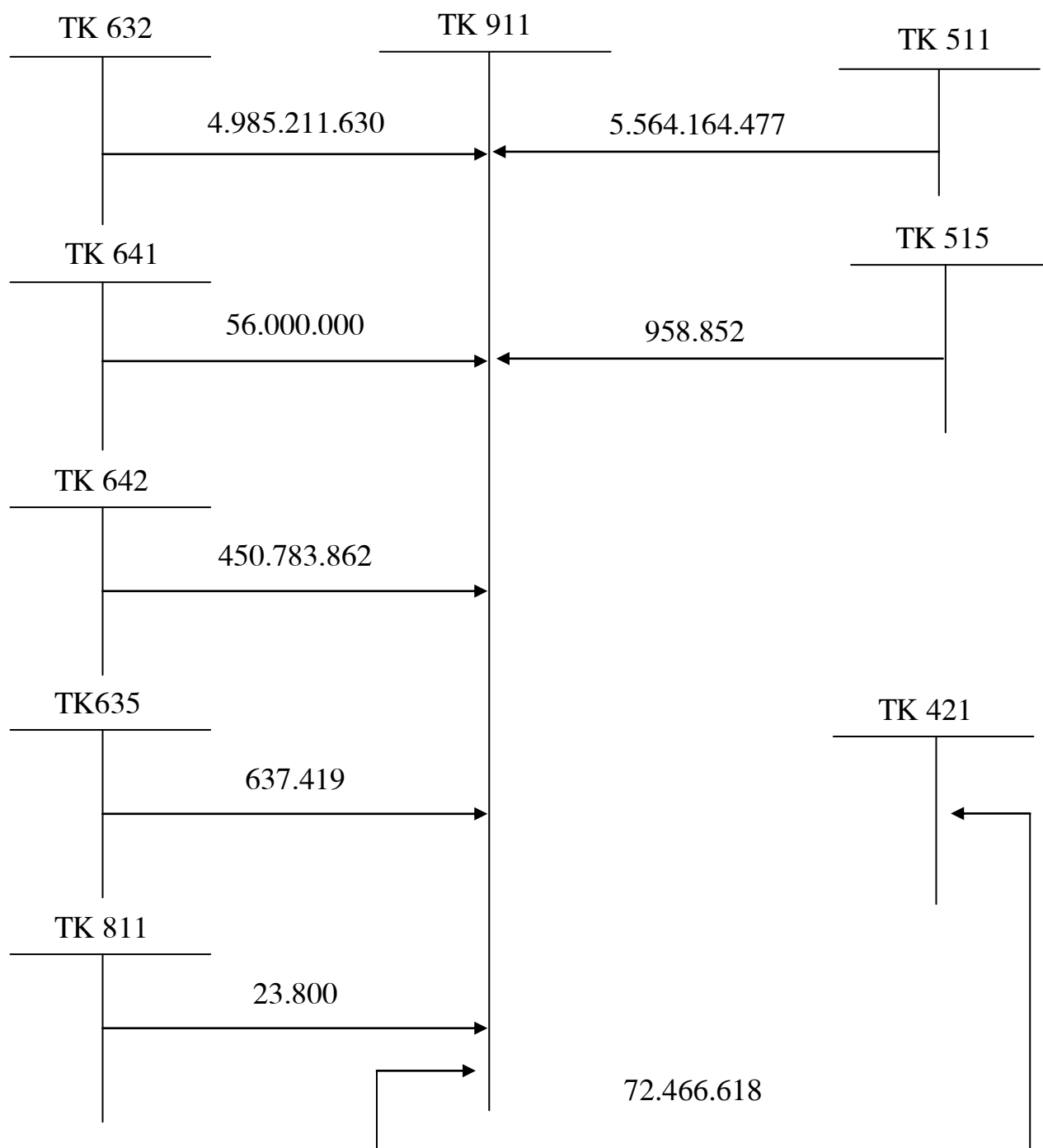
$$***Kết quả hoạt động tài chính*** = 958.852 - 637.419 = 321.433$$

$$***Kết quả hoạt động khác*** = 0 - 23.800 = - 23.800$$

Kết quả hoạt động kinh doanh toàn công ty

$$= 72.168.985 + 321.433 - 23.800 = 72.466.618$$

**SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH QUY IV TẠI CHI
NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10 TẠI HẢI PHÒNG.**



Biểu số 26

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

Do Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 là chi nhánh của Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng 10 nên chi nhánh không phải xác định thuế thu nhập doanh nghiệp mà toàn bộ số lãi này sẽ được chuyển lên tổng công ty để tổng công ty xác định và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào Ngân sách Nhà Nước.

2.2.6.2. Tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng:

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”
- Các TK liên quan: TK 511, 632, 641, 642, 515, 635, 811, 421.

*** Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Nhật ký chung.
- Sổ cái các TK: 911, 511, 515,, 632, 641, 642, 635, 811, 421.

2.2.6.3. Trình tự hạch toán

Cuối quý, kế toán lập các phiếu kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Các khoản chi đ- ợc kết chuyển sang bên Nợ của TK 911, các khoản doanh thu đ- ợc kết chuyển sang bên Có TK 911.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

An Hồng - An Dương - Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số 87

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	511	911	5.564.164.477
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	958.852
	Cộng			5.565.123.329

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Biểu số 27

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

An Hồng - An Dương - Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số 88

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	4.985.211.630
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	56.000.000
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	450.783.862
4	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	637.419
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	23.800
6	Kết chuyển lãi	911	421	72.466.618
	Cộng			5.565.123.329

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu.

Biểu số 28

Sau khi lập phiếu kế toán, kế toán ghi vào Nhật ký chung (*biểu số 29*) và sổ cái TK 911 (*biểu số 30*) và sổ cái TK 421 (*biểu số 31*).

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý IV - Năm 2009**

ĐVT: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	4.985.211.630	
				632		4.985.211.630
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	637.419	
				635		637.419
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển Chi phí bán hàng	911	56.000.000	
				641		56.000.000
31/12	PKT 88	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911	450.783.862	
				642		450.783.862
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	23.800	
				811		23.800
31/12	PKT 87	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	5.564.164.477	
				911		5.564.164.477
31/12	PKT 87	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	958.852	
				911		958.852
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển lãi	911	72.466.618	
				421		72.466.618
			Cộng chuyển trang sau		30.043.488.447	30.043.488.447

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 29

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10

ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK: 911

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
					
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí xác định KQKD			
	PKT 88		Giá vốn hàng bán	632	4.985.211.630	
	PKT 88		Chi phí tài chính	635	637.419	
	PKT 88		Chi phí bán hàng	641	56.000.000	
	PKT 88		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	450.783.862	
	PKT 88		Chi phí khác	811	23.800	
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu			
	PKT 87		Doanh thu bán hàng	511		5.564.164.477
	PKT 87		Doanh thu tài chính	515		958.852
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển lãi	421	72.466.618	
			Cộng phát sinh		5.565.123.329	5.565.123.329
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 30

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10
ĐỊA CHỈ: AN HỒNG - AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Quý IV - Năm 2009

Số hiệu TK: 421

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			35.123.768
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
31/12	PKT88	31/12	Kết chuyển lãi	911		72.466.618
			<i>Cộng phát sinh</i>		39.466.618	72.466.618
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			68.123.768

Giám đốc
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người ghi sổ
(Đã ký)

Biểu số 31

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10 TẠI HẢI PHÒNG.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

3.1.1. Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh công ty Cổ phần Bạch Đằng 10.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho Ngân sách Nhà Nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần, kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng ... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo, giúp giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ, sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Là một doanh nghiệp trẻ, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn các bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Bộ máy kế toán hoàn chỉnh, chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất góp phần đắc lực vào công tác quản lý giám sát tài chính của công ty. Với đội ngũ nhân viên có trình độ kế toán cao, nhiệt tình trong công việc, được bố trí phù hợp với trình độ khả năng của mỗi người do đó việc thông tin cung cấp cho nhà quản lý được kịp thời.

Kế toán tại văn phòng công ty đã lựa chọn và xây dựng hệ thống tài khoản cấp 1 theo quy định chung của Bộ tài chính. Bên cạnh đó còn sử dụng hệ thống tài

khoản cấp 2, 3 để đáp ứng nhu cầu theo dõi chi tiết. Nhìn chung việc sử dụng hệ thống tài khoản này là khá hợp lý đảm bảo việc thu thập thông tin bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, thông tin về tình hình biến động của tài sản, nguồn vốn của toàn công ty.

Hệ thống tài khoản mà công ty sử dụng tương đối phù hợp với tiêu thức kế toán công ty áp dụng. Kết cấu sổ được thiết lập trên mẫu quy định, không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời. Trên mỗi sổ trình tự nội dung ghi sổ được kế toán thực hiện theo đúng quy định. Hệ thống sổ sách trong công ty được ghi chép, sử dụng nhằm cung cấp các báo cáo tài chính cho cơ quan thuế, cơ quan chủ quản và các báo cáo chi tiết cho ban lãnh đạo của công ty.

Trong công tác kế toán việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành một cách kịp thời và triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh doanh. Vì vậy nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản lý.

3.1.2 Ưu Điểm.

*** Về tổ chức bộ máy quản lý.**

Với bộ máy tổ chức gọn nhẹ, thống nhất từ trên xuống dưới Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng đã xây dựng bộ máy theo hình thức trực tuyến - chức năng và hạch toán phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Với mô hình này các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc hoặc phó giám đốc, trực tiếp phụ trách các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ của mình đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo theo đúng yêu cầu.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán trong công ty**

Công ty có đội ngũ kế toán đầy năng lực và kinh nghiệm làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp phù hợp với yêu cầu và khả năng trình độ của từng người. Mỗi nhân viên trong phòng kế toán Công ty được phân công một mảng nhất định trong chuỗi mắt xích công việc chung. Chính

sự phân công đó trong công tác kế toán đã tạo ra sự chuyên môn hóa trong công tác kế toán, giúp cho mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được giải quyết nhanh chóng, rõ ràng theo sự phân công công việc đã có sẵn.

*** Về hệ thống tài khoản sử dụng**

Hệ thống tài khoản áp dụng trong công ty hiện nay là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15 ngày 20/03/2006. Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quyết định của Nhà nước.

*** Về chứng từ kế toán.**

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý.

*** Về hình thức kế toán sử dụng.**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở đầy đủ phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin tài chính được phản ánh kịp thời, rõ ràng và đầy đủ tạo điều kiện cho lãnh đạo công ty trong công tác quản lý, từ đó có thể đưa ra các biện pháp phù hợp để chỉ đạo sản xuất.

*** Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

Từ khi thành lập cho đến nay, Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng đã và đang dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề về hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác. Doanh thu và chi phí sản xuất

kinh doanh của công ty đều đ-ợc theo dõi cụ thể cho từng đơn hàng, từng hợp đồng vì vậy việc đánh giá hiệu quả kinh tế đ-ợc cụ thể và rõ ràng.

Mặt khác, công ty có sử dụng máy tính hỗ trợ nên các nghiệp vụ kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đ-ợc hoàn thành nhanh chóng và việc kiểm tra, đối chiếu chính xác hơn.

3.1.3. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có các biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Cụ thể:

*** Về tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán.**

Hiện nay, việc hạch toán kế toán ở công ty chủ yếu là ghi chép bằng tay. Hệ thống máy tính ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng hiệu quả để phục vụ cho công việc văn phòng thông thường. Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm kế toán để hỗ trợ cho công việc hạch toán kế toán. Trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên kế toán chưa cao, còn thụ động trong công việc, ngại tiếp xúc với những ứng dụng mới.

Dẫn đến: + Việc hạch toán mất nhiều thời gian, công sức.

+ Dễ dẫn đến sai lệch, nhầm lẫn về số liệu.

*** Về hệ thống sổ sách kế toán.**

Hiện tại, một số sổ sách kế toán mà Chi nhánh đang sử dụng không đúng với mẫu quy định của Nhà Nước. Dẫn đến không phản ánh được đầy đủ nội dung, bản chất của nghiệp vụ. Ví dụ, đối với sổ chi tiết phải thu của khách hàng kế toán đã không xây dựng đúng mẫu sổ theo quy định hiện hành.

Dẫn đến: + Gây khó khăn trong việc theo dõi công nợ của từng đối tượng.

+ Không biết số phải thu tăng trong kỳ và số khách hàng trả trong kỳ, không thể hiện được cụ thể các lần phát sinh tăng nợ phải thu và các lần trả nợ của khách hàng.

*** Chính sách bán hàng.**

Doanh nghiệp chưa có chính sách thông thoáng để khuyến khích khách hàng mua hàng. Cụ thể, công ty vẫn chưa áp dụng một số biện pháp khuyến mãi như bớt giá, chiết khấu thương mại khi khách hàng mua với khối lượng lớn, thanh toán tiền nhanh.

Dẫn đến: + Mất dần những khách hàng lớn vì trên thị trường có rất nhiều công ty đang áp dụng các biện pháp này nhằm thu hút khách hàng.

+ Không có các chính sách chiết khấu khách hàng sẽ chậm thanh toán làm cho dòng vốn không được quay vòng nhanh.

*** Về công tác thu hồi vốn và trích lập dự phòng.**

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm vậy mà công ty vẫn chưa quan tâm đến công tác thu hồi vốn dẫn đến tiền vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng.

Một số khoản nợ phải thu khách hàng đã quá hạn, có khả năng không đòi được nhưng doanh nghiệp không tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Như vậy, đã làm sai nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

*** Về việc luân chuyển chứng từ.**

Chứng từ không được chuyển trực tiếp từ nơi phát sinh về phòng kế toán mà còn chuyển qua phòng điều độ quản lý kho, phòng tiêu thụ rồi mới đến phòng kế toán nên trên thực tế nhiều khi không đảm bảo tính kịp thời, thực tế của ghi chép kế toán vì chứng từ phát sinh từ thời điểm này có thể kéo dài đến thời điểm khác mới về đến phòng kế toán, sẽ giảm sự sai lệch trong kế toán đến mức tối thiểu, tuy nhiên nhiều khi làm dồn công việc kế toán vào một lúc sẽ không đảm bảo khai thác hết được năng suất và hiệu quả công tác kế toán và hiệu năng làm việc của kế toán viên.

*** Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Hiện nay, Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong khi đó Công ty luôn có lượng nguyên vật liệu trong kho phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, còn những thành phẩm tồn kho chưa bán được. Như

vậy, các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, thành phẩm tồn kho giảm giá sẽ không được bù đắp, không lường trước được những rủi ro trong kinh doanh.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Trong cơ chế thị trường đầy biến động như hiện nay, cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, một doanh nghiệp muốn duy trì hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì kế toán không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản, tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó giúp các nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn trong tương lai.

- Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đang là một yêu cầu cấp thiết hiện nay đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống kế toán bởi vì:

- Hoàn thiện giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lập các báo cáo tài chính cuối kỳ được kịp thời, nhanh chóng.

- Hoàn thiện công tác kế toán sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm chi phí và thời gian giúp công tác kế toán cuối kỳ phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng***

Công tác doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong doanh nghiệp. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được chú trọng. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nắm vững chức năng, nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh trong công ty.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh không chỉ trên lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong công ty. Việc hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.2.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh ở Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống sổ sách kế toán, chế độ kế toán, các chuẩn mực kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế

độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời chính xác phục vụ cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp và đạt hiệu quả cao.

- Hoàn thiện song phải dựa trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã đạt đ- ợc thì Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng vẫn còn một số hạn chế ch- a thực sự đem lại hiệu quả kinh tế. Bằng những kiến thức đã đ- ợc học đối chiếu giữa lý luận và thực tế em xin mạnh dạn đ- a ra một số đề xuất với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào việc khắc phục những hạn chế để công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí nói riêng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng đ- ợc hoàn thiện hơn.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán.**

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành nhiều thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán trên máy. Đồng thời, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong

công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả trực tiếp thiết thực cho doanh nghiệp.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh như sau: việc tổ chức ghi chép hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị do máy tính nhận dữ liệu do kế toán viên nhập các chứng từ có liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán và sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo với máy những yêu cầu cần thiết (Sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...), máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

***Ý nghĩa của việc hoàn thiện:**

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của công ty.
- Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

*** Hoàn thiện sổ sách kế toán.**

Để phản ánh đúng nội dung, bản chất của khoản phải thu khách hàng tại từng thời điểm thì sổ chi tiết phải thu của khách hàng (TK131) phải theo dõi được khoản nợ còn phải thu của khách hàng theo từng thời điểm. Để thực hiện được giải pháp trên kế toán cần xây dựng lại mẫu sổ chi tiết TK 131 theo mẫu của bộ tài chính.

Ví dụ: Lập sổ chi tiết thanh toán với người mua, đối tượng là Công ty TNHH Quyết Thắng (Biểu số 32)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng*

Đơn vị: Chi nhánh công ty Cổ phần Bạch Đằng 10

Mẫu số S31 – DN

Biểu số 32

Địa chỉ: An Hồng – An Dương – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15 – 15/2006/ QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Đối tượng: Cty TNHH Quyết Thắng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn được Ckhấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				N	C	N	C
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					83.136.811	
			Phát sinh trong kỳ						
12/12	HĐ67509	12/12	Bán thanh gặt cho Cty TNHH Quyết Thắng	511 3331		82.500.000 4.125.000		273.568.500 277.693.500	
14/12	PT144	14/12	Cty TNHH Quyết Thắng trả nợ	111			183.136.811	94.556.689	
								
			Cộng phát sinh			253.495.089	209.775.682		
			Dư cuối kỳ					126.856.218	

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Việc xây dựng đúng mẫu sổ chi tiết tài khoản phải thu của khách hàng sẽ phản ánh đúng nội dung, bản chất của khoản phải thu khách hàng tại từng thời điểm, giúp cho doanh nghiệp tiện theo dõi công nợ của từng khách hàng từ đó đưa ra được các giải pháp hữu hiệu trong công tác thu hồi nợ.

*** Cần có các chính sách bán hàng.**

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tập thể, cá nhân hoạt động kinh doanh mặt hàng của Công ty nên tình trạng cạnh tranh diễn ra rất gay gắt. Công ty hiện nay đang có một lượng khách hàng truyền thống, lâu năm. Những khách hàng này thường mua hàng với khối lượng lớn, thanh toán bằng chuyển khoản. Do vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mãi như bớt giá, chiết khấu thương mại khi khách hàng mua với khối lượng lớn nhằm giữ được khách hàng.

Chiết khấu thương mại.

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại.

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp.

Có TK 111,112,131...

- Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 521: Chiết khấu thương mại.

* Hiệu quả của việc hoàn thiện.

Với các biện pháp khuyến mãi này công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai. Vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường. Việc mở thêm tài khoản này góp phần hoàn thiện, đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty đáp ứng yêu cầu của kế toán tiêu thụ.

* **Về công tác thu hồi vốn và trích lập dự phòng.**

Để công tác thu hồi vốn được nhanh chóng, hiệu quả Công ty cần có các quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thanh toán thưởng phạt nghiêm minh từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ. Các biện pháp phải đảm bảo hai nguyên tắc: lợi ích của công ty không bị xâm phạm đồng thời không mất đi bạn hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thường xuyên có uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn. Còn đối với việc trả chậm sau hạn có thể tính lãi hay phạt... có như vậy mới thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chiết khấu thanh toán.

Là số tiền thưởng giành cho khách hàng khi họ thanh toán tiền hàng đúng và trước hạn theo quy định trong hợp đồng.

Để hạch toán chiết khấu thanh toán giành cho khách hàng công ty sử dụng TK 635.

Phương pháp hạch toán:

Chiết khấu thanh toán phải trả hay đã trả cho người mua trong trường hợp người mua trả tiền trước thời hạn:

Nợ TK 635: Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua.

Có TK 111,112: Số tiền trả cho người mua.

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán.

Công ty cũng nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau: Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%, từ 01 năm đến 02 năm mức trích lập là 50%, từ 02 năm đến 03 năm mức trích lập là 70%, trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được.

Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu đ ược coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu được theo dõi cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ.

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Cuối kỳ kế toán công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng***

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Đối với các khoản phải thu khó đòi doanh nghiệp xử lý xóa nợ, kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Đồng thời ghi đơn vào bên nợ TK 004 (Nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ.

Đối với các khoản phải thu khó đòi được xử lý xóa nợ nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111,,112

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên có TK 004 (nợ khó đòi đã xử lý).

Thực hiện được giải pháp trên sẽ giúp cho doanh nghiệp khắc phục được những rủi ro trong kinh doanh ổn định được tình hình tài chính từ đó giúp cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường.

*** Hoàn thiện về quá trình luân chuyển chứng từ.**

Thao tác trong qua trình luân chuyển chứng từ từ kho sang phòng tài vụ thường chậm chễ gây ra nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành thành phẩm hoàn thành, gây dòn ứ công việc sang tháng làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy để chứng từ được luân chuyển kịp thời và đầy đủ công ty nên có những quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng. Chẳng hạn doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban, kho... phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất. Có chế độ khen thưởng với những phòng ban luân chuyển chứng từ kịp thời và phê bình, kỷ luật đối với những cá nhân, tập thể không thực hiện đúng quy định.

*** Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Để bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá trị, đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện

được của hàng tồn kho trong doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán, kế toán cần tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn so với giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

+ Đối tượng và điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đối tượng lập dự phòng bao gồm: nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém, mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

+ Phương pháp lập dự phòng:

Mức trích lập dự phòng được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư,} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính} \end{array} \times \left| \begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện được} \\ \text{của hàng tồn kho} \end{array} \right|$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác theo quy định tại Chuẩn mực số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 Của trưởng Bộ tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ đi chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

+ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho việc hạch toán vật tư, thành phẩm, hàng hóa tại Công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của Công ty hiện có so với giá thị trường.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu chính xác và kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ, công nợ... Phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh từ đó giúp các nhà quản trị đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn sau.

Trong quá trình làm việc, bộ phận kế toán không thể tránh khỏi những sai sót về xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhưng đó chỉ là tạm thời. Ngày nay công ty đã có những bước tiến mới cả về quy mô và chất lượng. Và trong tương lai công ty cũng sẽ đạt được những kết quả tốt hơn với sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của ban giám đốc, phòng kế toán và toàn bộ nhân viên trong công ty.

Qua quá trình thực tập và làm khoá luận em đã nhận thức sâu sắc hơn về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Một lần nữa em mong nhận được sự chỉ bảo và góp ý của các thầy cô và các bạn để bài khoá luận của em được hoàn chỉnh hơn và em có thể được củng cố và nâng cao kiến thức hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc và các cô chú, anh chị trong phòng tài chính kế toán của công ty, các thầy cô trong khoa và đặc biệt là thầy giáo - Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo em trong suốt thời gian qua.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán quyền 1 - Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.
2. Chế độ kế toán quyền 2 - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.
3. Giáo trình hệ thống kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Nhà xuất bản Tài chính
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính TS Nguyễn Văn Công – Nhà xuất bản Tài chính – Năm 2006.
5. Website: Webketoan.com
6. Website: Tapchiketoan.com
7. Tài liệu sổ sách kế toán của Chi nhánh công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	5
1.2.1. Doanh thu và các loại doanh thu.	5
1.2.2. Chi phí và các loại chi phí.	5
1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.	7
1.3. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.	7
1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ. .	9
1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	15
1.4.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	23
1.4.4. Kế toán thu nhập và chi phí khác trong doanh nghiệp.	27
1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐĂNG 10 TẠI HẢI PHÒNG.	34
2.1. Khái quát chung về Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	34

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng***

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	34
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của “ Chi nhánh công ty cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng”	35
2.1.3.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	37
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	38
2.2 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	42
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	42
2.2.2. <i>Kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.</i>	54
2.2.3. <i>Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.</i>	58
2.2.4. <i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.</i>	64
2.2.5. <i>Kế toán chi phí tài chính tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.</i>	67
2.2.6. <i>Tổ chức công tác kế toán. Xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.</i>	70
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐẰNG 10 TẠI HẢI PHÒNG. ..	77
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	77
3.1.1. <i>Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh công ty Cổ phần Bạch Đằng 10.</i>	77
3.1.2 <i>Ưu Điểm.</i>	78
3.1.3. <i>Nhược điểm.</i>	80
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	81

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng***

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	82
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	82
3.2.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	83
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 tại Hải Phòng.	84
KẾT LUẬN	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO	94